Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Email: binhdinh@chinhphu.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /ĐA-UBND	*Bình Định, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7375/BNV-CQĐP ngày 14/12/2023, UBND tỉnh Bình Định xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã.

3. Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.

5. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

6. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 (gọi tắt là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC).

7. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 (gọi tắt là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị).

8. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

9. Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế.

10. Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

11. Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC.

12. Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC.

13. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

14. Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

15. Kết luận số 294-KL/TU ngày 14/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định.

16. Công văn số 7375/BNV-CQĐP ngày 14/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định và ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

17. Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

18. Phương án số 01/PA-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

Từ sau năm 1975 đến nay, quá trình nhập, giải thể, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC trên địa bàn tỉnh Bình Định đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần phát huy nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ Kết luận 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQHI5 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tổ chức rà soát các ĐVHC thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 là những ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định. Khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp ĐVHC phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các ĐVHC đã đảm bảo tiêu chuẩn) để giảm số lượng ĐVHC, tăng quy mô của từng ĐVHC, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân.

Qua tổ chức rà soát hiện trạng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Bình Định không có ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp; có 06 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp (gồm 05 phường: Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt, Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi thuộc thành phố Quy Nhơn và 01 xã Hoài Hải thuộc thị xã Hoài Nhơn) và có 02 ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp (gồm phường Thị Nại thuộc thành phố Quy Nhơn và phường Hoài Hương thuộc thị xã Hoài Nhơn). Do đó, tỉnh Bình Định xây dựng Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã để cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc sắp xếp 06 ĐVHC cấp xã của tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025 là hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định pháp luật; mở rộng không gian phát triển cho các phường và huy động nguồn lực, lợi thế sẵn có của các địa phương để xây dựng thành phố Quy Nhơn và thị xã Hoài Nhơn phát triển bền vững, tinh gọn tổ chức, bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương.

Phần II
HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương từ năm 1945 đến nay

a) Giai đoạn 1945 - 1975

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, các ĐVHC có quy mô và tên gọi khác nhau, chủ yếu là cấp phủ, cấp châu và cấp tổng. Sau Cách mạng tháng Tám, thực hiện Hiến pháp năm 1946, tỉnh Bình Định bãi bỏ cấp phủ, cấp châu, tổng và hình thành hệ thống chính quyền 3 cấp là tỉnh, huyện và xã cho đến nay.

Đến năm 1975, tổ chức ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định có 08 ĐVHC cấp huyện (thị xã Quy Nhơn và 07 huyện: Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Phước Vân, Hoài An, Tây Sơn và An Nhơn); có 111 ĐVHC cấp xã.

b) Giai đoạn 1975 - 1997

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 28/10/1975 của Bộ Chính trị, Quyết định số 147/QĐ của Ủy ban nhân dân cách mạng khu Trung Trung bộ, tỉnh Bình Định hợp nhất với tỉnh Quảng Ngãi lấy tên là tỉnh Nghĩa Bình. Tại thời điểm hợp nhất, tỉnh có 08 ĐVHC cấp huyện, gồm: thị xã Quy Nhơn và 07 huyện (Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Phước Vân, Hoài An, Tây Sơn và An Nhơn). Trong giai đoạn này, các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có sự điều chỉnh, chia tách, thành lập mới đáp ứng cho yêu cầu tổ chức quản lý, phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể:

Theo Quyết định số 127-CP ngày 24/3/1979 của Hội đồng Chính phủ: Chia xã Cát Trinh huyện Phù Cát thành 2 xã: Cát Trinh và Cát Tân; thành lập thị trấn Bình Định thuộc huyện An Nhơn; thành lập thị trấn Phú Phong thuộc huyện Tây Sơn; tách thôn Hội Lộc của xã Nhơn Lý để thành lập xã Nhơn Hội thuộc thị xã Quy Nhơn.

Theo Quyết định số 80-HĐBT ngày 23/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng: Chia huyện Phước Vân thành 2 huyện: Tuy Phước và Vân Canh; chia huyện Tây Sơn thành 2 huyện: Tây Sơn và Vĩnh Thạnh; chia huyện Hoài An thành 2 huyện: Hoài Ân và huyện An Lão; chia xã Phước Long, huyện Tuy Phước thành 2 xã:

Phước Long và Phước Thạnh; chia xã Phước Thành huyện Tuy Phước thành 3 xã: Canh Hiển, Canh Vinh và Phước Thành; sáp nhập xã Canh Hiển và xã Canh Vinh của huyện Tuy Phước vào huyện Vân Canh; chia xã Nhơn Thạnh thuộc thị xã Quy Nhơn thành 2 xã: Nhơn Phú và Nhơn Bình.

Theo Quyết định số 123-HĐBT ngày 29/10/1983 của Hội đồng Bộ trưởng: Chia xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ thành 2 xã: Mỹ Thắng và Mỹ An; chia xã Cát Hiệp thành 2 xã: Cát Hiệp và Cát Lâm; chia xã Cát Thắng thành 2 xã: Cát Thắng và Cát Hưng; chia xã Cát Chánh thành 2 xã: Cát Chánh và Cát Tiến; chia xã Cát Khánh thành 2 xã: Cát Khánh và Cát Thành; tách các thôn Tân Thành, Vĩnh Hội của xã Cát Chánh và các thôn Tân Thắng, Chánh Oai của xã Cát Khánh để thành lập xã Cát Hải.

Theo Quyết định số 15-HĐBT ngày 19/02/1986 của Hội đồng Bộ trưởng: Thành lập xã Nhơn Tân thuộc huyện An Nhơn trên cơ sở sáp nhập một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Lộc; chia xã An Hòa thành 2 xã: An Hòa và An Tân; chia xã An Quang thành hai xã: An Quang và An Nghĩa; chia xã Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn: thành thị trấn Bồng Sơn và xã Hoài Tiến; chia xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ thành 2 xã: Mỹ Đức và Mỹ Châu; chia xã Bình Hiệp, huyện Tây Sơn thành 2 xã: Bình Tân và Bình Thuận.

Theo Quyết định số 81-HĐBT ngày 03/7/1986 của Hội đồng Bộ trưởng: Đổi tên thị xã Quy Nhơn thành thành phố Quy Nhơn; sáp nhập xã Phước Thạnh, huyện Tuy Phước vào thị xã Quy Nhơn và đổi tên xã thành xã Nhơn Thạnh.

Theo Quyết định số 137-HĐBT ngày 07/11/1986 của Hội đồng Bộ trưởng: Chia xã Hoài Thanh thành hai xã: Hoài Thanh và Hoài Thắng; chia xã Tam Quan Bắc thành 2 xã: Tam Quan Bắc và Tam Quan; chia xã Hoài Hảo thành 2 xã: Hoài Hảo và Hoài Phú; chia xã Hoài Châu thành 2 xã: Hoài Châu và xã Hoài Thuận; chia 3 xã Bình Quang, Vĩnh Hảo và Vĩnh Hiệp thuộc huyện Vĩnh Thạnh thành 4 xã: Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Quang và Vĩnh Thịnh.

Theo Quyết định số 33a-HĐBT ngày 14/02/1987 của Hội đồng Bộ trưởng: Chia xã Bình An thành 3 xã: Tây An, Tây Bình và Tây Vinh; chia xã Bình Phú Khánh thành 2 xã: Tây Xuân và Tây Phú; chia xã Bình Giang thành 2 xã: Tây Thuận và Tây Giang.

Theo Quyết định số 52/HĐBT ngày 12/3/1987 của Hội đồng Bộ trưởng: Thành lập thị trấn Ngô Mây thuộc huyện Phù Cát trên cơ sở sáp nhập một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Cát Trinh và xã Cát Tân; thành lập thị trấn Tuy Phước thuộc huyện Tuy Phước trên cơ sở sáp nhập một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Phước Nghĩa và xã Phước Long; giải thể xã Nhơn Thạnh thuộc thành phố Quy Nhơn để thành lập 2 phường: Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu.

Theo Quyết định số 196/HĐBT ngày 28/12/1988 của Hội đồng Bộ trưởng: Thành lập thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc huyện Hoài Ân trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và nhân khẩu của các xã Ân Thạnh, Ân Đức, Ân Phong; chia xã Ân Tín thành 2 xã: Ân Tín và Ân Mỹ.

Theo Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5 ngày 30/6/1989: Tái lập tỉnh Bình Định có 11 ĐVHC gồm: Thành phố Quy Nhơn và 10 huyện: Hoài Ân, An Lão, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Tuy Phước và Hoài Nhơn.

Theo Quyết định số 659-TCCP ngày 14/12/1991 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ: Thành lập thị trấn Phù Mỹ thuộc huyện Phù Mỹ trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của 03 xã: Mỹ Quang, Mỹ Trinh và Mỹ Hòa.

Theo Nghị định số 35/CP ngày 03/6/1993 của Chính phủ: Đổi tên xã Hoài Thắng thành xã Hoài Thanh Tây; đổi tên xã Hoài Thuận thành xã Hoài Châu Bắc; đổi tên xã Hoài Tiến thành xã Bồng Sơn Tây.

Theo Nghị định số 66/CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ: Chia xã Phước Thành, huyện Tuy Phước thành hai xã: Phước Thành và Phước Mỹ; thành lập thị trấn Diêu Trì trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Phước Long; thành lập xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn trên cơ sở thôn Kim Giao của xã Hoài Hương và thôn Diêu Quang của xã Hoài Mỹ; sáp nhập xã Bồng Sơn Tây vào thị trấn Bồng Sơn.

Theo Nghị định số 118/1997/NĐ-CP ngày 26/12/1997 của Chính phủ: Thành lập phường Ghềnh Ráng, phường Nguyễn Văn Cừ thuộc thành phố Quy Nhơn trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của phường Quang Trung; thành lập phường Nhơn Bình, phường Nhơn Phú trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của xã Nhơn Bình và xã Nhơn Phú; thành lập thị trấn Tam Quan thuộc huyện Hoài Nhơn trên cơ sở diện tích và dân số của xã Tam Quan; thành lập thị trấn Đập Đá thuộc huyện An Nhơn trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Đập Đá.

Đến năm 1997, tổ chức ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định có 11 ĐVHC cấp huyện (thành phố Quy Nhơn và 10 huyện: Tuy Phước, Vân Canh, An Nhơn, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, An Lão và Hoài Nhơn); có 147 ĐVHC cấp xã (10 phường, 8 thị trấn và 129 xã).

c) Giai đoạn 1998 - 2018

Theo Nghị định số 70/1998/NĐ-CP ngày 04/9/1998 của Chính phủ: Thành lập phường Lý Thường Kiệt trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của các phường Ngô Mây, Lê Hồng Phong và Trần Phú; thành lập phường Thị Nại trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của phường Đống Đa và phường

Trần Hưng Đạo; thành lập xã Ân Tường Đông và xã Ân Tường Tây thuộc huyện Hoài Ân trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Ân Tường.

Theo Nghị định số 46/2002/NĐ-CP ngày 19/7/2002 của Chính phủ: Thành lập thị trấn Bình Dương thuộc huyện Phù Mỹ trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Mỹ Lợi; thành lập xã Mỹ Chánh Tây thuộc huyện Phù Mỹ trên sơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Mỹ Chánh; thành lập thị trấn Vân Canh thuộc huyện Vân Canh trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Canh Thuận và xã Canh Hiệp.

Theo Nghị định số 143/2005/NĐ-CP ngày 15/11/2005 của Chính phủ: Thành lập xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Vĩnh Quang; thành lập thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Vĩnh Quang; thành lập xã Vĩnh Hòa trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Vĩnh Thịnh và xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn; điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Vĩnh Sơn về xã Vĩnh Kim; điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của xã Vĩnh Kim về xã Vĩnh Sơn; điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của xã Vĩnh Kim về xã Vĩnh Hảo; điều chỉnh dân số của xã Vĩnh Kim về xã Vĩnh Quang; điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của xã Vĩnh Hòa về xã Vĩnh Hảo; điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên của xã Vĩnh Hòa về xã Vĩnh Hiệp; điều chỉnh dân số của xã Vĩnh Hòa về xã Vĩnh Thịnh; điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Vĩnh Hảo về xã Vĩnh Quang; sáp nhập một phần diện tích tự nhiên và dân số thuộc xã Tây Phú, xã Tây Xuân, xã Bình Thành và xã Bình Tường vào thị trấn Phú Phong; sáp nhập xã Phước Mỹ thuộc huyện Tuy Phước vào thành phố Quy Nhơn quản lý.

Theo Nghị định số 66/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Thành lập xã Ân Hảo Tây thuộc huyện Hoài Ân trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Ân Hảo; thành lập xã Ân Hảo Đông thuộc huyện Hoài Ân trên cơ sở diện tích tự nhiên và dân số còn lại của xã Ân Hảo; thành lập thị trấn An Lão thuộc huyện An Lão trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã An Hưng, xã An Trung và xã An Tân.

Theo Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ: Thành lập thị xã An Nhơn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện An Nhơn và thành lập 05 phường trên cơ sở nguyên trạng các ĐVHC xã, thị trấn: Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hưng, Nhơn Thành và Nhơn Hòa.

Đến năm 2018, tổ chức ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định có 11 ĐVHC cấp huyện (01 thành phố, 01 thị xã, 09 huyện); 159 ĐVHC cấp xã (21 phường, 12 thị trấn, 126 xã).

d) Từ năm 2019 đến nay

Theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH14 ngày 22/4/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Thành lập thị xã Hoài Nhơn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Hoài Nhơn và thành lập 11 phường trên cơ sở nguyên trạng các ĐVHC xã, thị trấn: Bồng Sơn, Tam Quan, Tam Quan Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Hoài Hương, Hoài Hảo, Hoài Tân, Hoài Xuân, Hoài Đức.

Theo Nghị quyết số 1188/NQ-UBTVQH14 ngày 12/01/2/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Thành lập thị trấn Cát Tiến trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Cát Tiến thuộc huyện Phù Cát.

Đến nay, tổ chức ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định có 11 ĐVHC cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện); có 159 ĐVHC cấp xã (32 phường, 11 thị trấn, 116 xã).

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án

- Số ĐVHC cấp huyện: 11 đơn vị.

- Số ĐVHC cấp xã: 159 đơn vị.

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Tỉnh Bình Định:

1.1. Diện tích tự nhiên[1]: 6.066,4 km^2

1.2. Quy mô dân số[2]: 1.800.046 người.

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Bình Định[3]

Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tập trung chỉ đạo phân giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội thống nhất, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện và định hướng đến cấp xã; tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh,... Đã tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, Hội nghị xúc tiến đầu tư, các Hội nghị, buổi làm việc để nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm duy trì và từng bước phát triển sản xuất kinh doanh; tạo điều

---

[1] Theo Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022.

[2] Theo số liệu quản lý của Công an tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2023, tỉnh Bình Định có quy mô dân số 1.800.046 người, trong đó: dân số thường trú là 1.792.476 người và dân số tạm trú quy đổi là 7.570 người.

[3] Báo cáo số 229/BC-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024.

kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, mở rộng xuất khẩu. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi rút ngắn, đơn giản hóa các thủ tục đầu tư để doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai nhanh các công trình, dự án.

a) Chỉ đạo phát triển sản xuất, kinh doanh:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ; nâng cao giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển đàn gia súc, gia cầm gắn với thực hiện có hiệu quả công tác tiêm phòng vắc xin và phòng, chống dịch bệnh; chú trọng kêu gọi, thu hút đầu tư các nhà máy giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm, thủy sản. Tăng cường nuôi trồng, khai thác thủy sản gắn với các biện pháp bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản; thúc đẩy phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp cấp bách về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ theo quy định.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện các tiêu chí ở các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 củng cố và nâng cao chất lượng các xã đã được công nhận đạt chuẩn trên địa bàn. Toàn tỉnh có 85/111 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 76,58%; có 17/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 20%; có 05/11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới (đạt tỷ lệ 45,45%). Ước kết quả thực hiện chỉ tiêu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023: Có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 02 huyện Tây Sơn, Phù Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới. Toàn tỉnh có 354 sản phẩm được UBND tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh; trong đó: 49 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 305 sản phẩm đạt hạng 3 sao.

Triển khai quyết liệt, đồng bộ phương án xử lý vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh, nhất là trong vấn đề thu gom, vận chuyển, xử lý rác, chất thải, nước thải cả trong sản xuất và sinh hoạt; nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản; đẩy mạnh thực hiện công tác chuyển đổi số trong quản lý đất đai; kiểm tra, xử lý kiên quyết các vụ vi phạm về đất đai, tài nguyên khoáng sản, rừng và đất rừng; chú trọng công tác phòng, chống cháy rừng.

UBND tỉnh đã tổ chức thành công các Hội nghị "Nâng cao chất lượng các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh" và "Quán triệt công tác quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng; chống lấn, chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên địa bàn tỉnh". Ngoài ra, ngành xây dựng đã triển khai các kế hoạch thực hiện các giải pháp đột phá để nâng cao tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và nâng cao tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu

chuẩn, quy chuẩn theo quy định đến năm 2025; công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị, xây dựng các khu dân cư, nhà ở xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp kích thích tiêu dùng nội địa, kích cầu du lịch, dịch vụ. Tổ chức ký kết kết hợp tác phát triển du lịch Bình Định với các địa phương, các tổ chức, hãng Hàng không, đơn vị lữ hành,... Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa; quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực địa phương gắn với hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho người dân.

Trong năm, UBND tỉnh đã tổ chức nhiều chương trình, lễ hội quảng bá hình ảnh du lịch, đất nước con người Bình Định đến với các du khách, người dân trong và ngoài tỉnh như: Lễ hội du lịch Bình Định năm 2023 với chủ đề: "Quy Nhơn - Thiên đường biển - Rực rỡ sắc màu"; Lễ hội Khinh khí cầu; Vòng Chung kết Hoa hậu Thế giới Việt Nam 2023; Đêm võ đài Bình Định; Liên hoan Quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam lần thứ VIII - Bình Định năm 2023; Giải chạy VnExpress Marathon Quy Nhơn 2023... đã thu hút đông đảo du khách đến với Bình Định. Các khu, điểm du lịch đã chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, tổ chức nhiều sự kiện, hoạt động đặc sắc để mang lại các trải nghiệm hấp dẫn, mới mẻ cho du khách, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút du khách.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, hoàn thành xây dựng Quy hoạch tỉnh; thực hiện tốt quản lý đô thị, trật tự và chất lượng xây dựng trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án nhà ở xã hội; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản; kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, cấp phép thi công xây dựng công trình.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến, kêu gọi thu hút đầu tư, nhất là các dự án sản xuất công nghiệp, đô thị, du lịch vào Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chuẩn bị chu đáo các điều kiện cần thiết để chào đón doanh nghiệp, nhà đầu tư vào tỉnh. Đã tổ chức chu đáo tiếp và làm việc với các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác đến khảo sát, tìm hiểu và đăng ký đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng tái tạo, xây dựng khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ du lịch, trí tuệ nhân tạo,...; tổ chức các Đoàn công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tại các quốc gia như: Thái Lan, Đức, Ý, Nhật, Pháp, tổ chức các Hội thảo xúc tiến đầu tư.

- Chỉ đạo điều hành công tác thu, chi ngân sách; rà soát, cắt giảm các khoản chi không thật sự cần thiết; thực hiện các biện pháp tăng thu, chống thất thu và nợ đọng thuế; tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển và bên cạnh đầu tư hạ tầng quan tâm bố trí kinh phí thực hiện các lĩnh vực an sinh xã hội, giáo dục, y tế, môi trường,... cũng như những nhiệm vụ chi tạo đòn bẩy phát triển kinh tế; thực hiện thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty

cổ phần; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ...

b) Về văn hóa - xã hội:

Đã tổ chức thành công nhiều Chương trình nghệ thuật, lễ kỷ niệm, tuyên truyền các sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh, như: Chào mừng Kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam; Lễ Kỷ niệm 234 năm Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa; chương trình ngày hội Người Bình Định; Lễ đón Bằng di sản văn hóa phi vật thể quốc gia "Lễ hội Chùa Bà - Cảng thị nước Mặn"; Lễ trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"; Ngày hội Văn hóa - Thể thao miền biển Bình Định lần thứ XIV; Ngày hội Văn hóa các dân tộc miền Trung lần thứ IV - Bình Định năm 2023; Liên hoan Quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam lần thứ VIII - Bình Định năm 2023; Liên hoan văn hóa cồng chiêng các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Định lần thứ II - 2023... Công tác quản lý nhà nước về văn hóa và dịch vụ văn hóa được triển khai thực hiện thường xuyên. Công tác bảo tồn các di sản văn hóa được chú trọng, đặc biệt là trùng tu, tôn tạo đối với các di tích có dấu hiệu xuống cấp.

Các hoạt động nghệ thuật, lễ hội dân gian truyền thống, thể dục thể thao quần chúng được tổ chức với nhiều nội dung đặc sắc, phong phú. Các vận động viên của tỉnh trong đội tuyển Việt Nam tham dự SEA Games 32 đạt 03 huy chương vàng và 03 huy chương bạc.

Ngành giáo dục và đào tạo đã thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ chủ yếu và các nhóm giải pháp cơ bản trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện, đã tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình, hoàn thành việc biên soạn tài liệu giáo dục địa phương lớp 4, lớp 8, lớp 11 trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn của học sinh trong tỉnh được duy trì, củng cố và ngày càng được nâng lên theo tinh thần đổi mới. Khoảng cách chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa thành thị, nông thôn, vùng khó khăn ngày càng được thu hẹp.

Triển khai quyết liệt, kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở người, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường hoàn thiện mạng lưới cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế.

Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng hệ thống cơ sơ sở dữ liệu dùng chung đảm bảo kết nối, chia sẻ và thực hiện dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển nền tảng thương mại điện tử; phối hợp tổ chức Hội thảo Hợp tác phát triển công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam lần thứ 24 với chủ đề "Dữ liệu số và các nền tảng hỗ trợ ra quyết định".

c) Về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền và đảm bảo quốc phòng, an ninh:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa, hiện đại hóa, công khai, minh bạch thủ tục hành chính; tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao các Chỉ số Par Index, SIPAS, PAPI, PCI, DTI. Triển khai kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ Đề án 06 của Chính phủ. Tăng cường kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước. Triển khai sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ cấp xã trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, thăng hạng chuyên viên chính;...

- Công tác phòng, chống tham nhũng, thanh tra, kiểm tra tiếp tục được chỉ đạo triển khai theo kế hoạch, tập trung vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản, tài chính - ngân sách và những vụ việc nổi cộm, bức xúc có dấu hiệu tiêu cực, vi phạm pháp luật. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục thực hiện theo quy định. Số lượng đơn thư, vụ việc khiếu nại, tố cáo lâu ngày còn tồn đọng đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm xem xét, giải quyết nên số lượng người dân tụ tập tại các cơ quan chức năng giảm đáng kể.

- Công tác quốc phòng, an ninh luôn được đảm bảo, công tác huấn luyện quân sự, giáo dục quốc phòng và xây dựng lực lượng tiếp tục triển khai theo kế hoạch. Đã hoàn thành việc giao quân năm 2023, đạt 100% chỉ tiêu; bảo vệ an toàn các ngày Lễ lớn của tỉnh và của đất nước. Chỉ đạo tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ gắn với phòng thủ dân sự tỉnh năm 2023 và diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện. Các lực lượng chức năng đã chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện, xử lý kịp thời nhiều vụ việc liên quan đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường; đã tổ chức nhiều đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp các loại tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội và kiềm chế tai nạn giao thông.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 11 đơn vị (chia ra: 08 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố).

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không có.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: 159 đơn vị (chia ra: 116 xã, 32 phường, 11 thị trấn).

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 06 đơn vị (chia ra: 01 xã, 05 phường).

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 02 đơn vị (chia ra: 02 phường).

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (chia ra: 01 xã, 05 phường) thuộc diện sắp xếp

1.1. Tên ĐVHC: **Phường Lê Hồng Phong**

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,97 km^2

1.1.3. Quy mô dân số: 17.605 người

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 40 người

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Lý Thường Kiệt, Ngô Mây và Đống Đa.

1.2. Tên ĐVHC: **Phường Lê Lợi**

1.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,57 km^2

1.2.3. Quy mô dân số: 13.733 người

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Hải Cảng, Trần Phú và Trần Hưng Đạo.

1.3. Tên ĐVHC: **Phường Lý Thường Kiệt**

1.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,69 km^2

1.3.3. Quy mô dân số: 9.251 người

1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người

1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Lê Hồng Phong, Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ và Ngô Mây.

1.4. Tên ĐVHC: **Phường Trần Hưng Đạo**

1.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km^2

1.4.3. Quy mô dân số: 9.754 người

1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 105 người

1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Thị Nại, Hải Cảng, Lê Lợi và Lê Hồng Phong.

1.5. Tên ĐVHC: **Phường Trần Phú**

1.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,66 km^2

1.5.3. Quy mô dân số: 11.141 người

1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có

1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Lê Lợi, Lê Hồng Phong và Lý Thường Kiệt.

1.6. Tên ĐVHC: **Xã Hoài Hải**

1.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

1.6.2. Diện tích tự nhiên: 4,7 km^2

1.6.3. Quy mô dân số: 8.283 người

1.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 10 người

1.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Hoài Hương, xã Hoài Mỹ.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (02 phường) liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

2.1. Tên ĐVHC: **Phường Thị Nại**

2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

2.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,9 km^2

2.1.3. Quy mô dân số: 11.930 người

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 41 người

2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Đống Đa, Hải Cảng, Trần Hưng Đạo và Lê Hồng Phong.

2.2. Tên ĐVHC: **Phường Hoài Hương**

2.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 10,74 km^2

2.2.3. Quy mô dân số: 20.330 người

2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 15 người

2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Hoài Thanh, Hoài Xuân và các xã Hoài Mỹ, Hoài Hải.

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 1A, 2A, 2B kèm theo)

Phần III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp

1.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 0,97 km^2 (đạt 18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 17.605 người (đạt 252% so với tiêu chuẩn) của phường Lê Hồng Phong và toàn bộ diện tích tự nhiên 0,69 km^2 (đạt 13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 9.251 người (đạt 132% so với tiêu chuẩn) của phường Lý Thường Kiệt vào phường Trần Phú có diện tích tự nhiên 0,66 km^2 (đạt 12% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 11.141 người (đạt 159% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì 03 phường: Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt và Trần Phú thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 (vì ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC).

- Phù hợp với lịch sử điều chỉnh, thành lập ĐVHC trước đây (điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của phường Lê Hồng Phong, Trần Phú để thành lập phường Lý Thường Kiệt).

- ĐVHC hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên và quy mô dân số tương đối đồng đều so với các phường còn lại; mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, tập trung đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị; đáp ứng được trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn ĐVHC.

- Việc sắp xếp nêu trên khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, đồng thời góp phần xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

b) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Trần Phú có diện tích tự nhiên 2,32 km^2 (đạt 42% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 37.997 người (đạt 543% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Mây, phường Đống Đa và phường Thị Nại (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Trần Phú: dự kiến tại trụ sở làm việc của phường Lý Thường Kiệt hiện nay (số 88 đường Phạm Hùng, thành phố Quy Nhơn).

- Phường Trần Phú sau sắp xếp cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

1.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 0,47 km^2 (đạt 8% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 9.754 người (đạt 139% so với tiêu chuẩn) của phường Trần Hưng Đạo và toàn bộ diện tích tự nhiên 0,57 km^2 (đạt 10% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 13.733 người (đạt 196% so với tiêu chuẩn) của phường Lê Lợi vào phường Thị Nại có diện tích tự nhiên 1,9 km^2 (đạt 35% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 11.930 người (đạt 170% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì 02 phường: Trần Hưng Đạo và Lê Lợi thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 (vì ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC).

- Phù hợp với lịch sử điều chỉnh, thành lập ĐVHC trước đây (điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của phường Trần Hưng Đạo để thành lập phường Thị Nại).

- ĐVHC hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên và quy mô dân số tương đối đồng đều so với các phường còn lại; mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội, tập trung đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị; đáp ứng được trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn ĐVHC.

- Việc sắp xếp nêu trên khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, đồng thời góp phần xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

b) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Thị Nại có diện tích tự nhiên 2,94 km^2 (đạt 53% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 35.417 người (đạt 506% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Trần Phú (mới), phường Đống Đa và phường Hải Cảng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thị Nại: dự kiến tại trụ sở làm việc của phường Lê Lợi hiện nay (số 10 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn).

- Phường Thị Nại sau sắp xếp cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

2. Sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 4,7 km^2 (đạt 16% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 8.283 người (đạt 104% so với tiêu chuẩn) của xã Hoài Hải vào phường Hoài Hương có diện tích tự nhiên 10,74 km^2 (đạt 195% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 20.330 người (đạt 407% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì xã Hoài Hải thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 (vì ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC).

- Năm 1994, xã Hoài Hải được thành lập trên cơ sở thôn Kim Giao của xã Hoài Hương và thôn Diêu Quang của xã Hoài Mỹ. Do đó, đại bộ phận người dân Hoài Hải (80% dân số) đều có nguồn gốc từ xã Hoài Hương (nay là phường Hoài Hương).

- Sau khi nhập, không gian cửa biển An Dũ thuộc về 01 ĐVHC sẽ thuận lợi cho công tác phòng, chống thiên tai; ĐVHC mới được mở rộng không gian phát triển, thu hút, phát triển các điểm du lịch cộng đồng: gành Diêu Quang và Bãi Con, kết hợp tham quan di tích Lăng ông Nam Hải Vạn Kim Giao - Hoài Hải,... Cùng với đó là phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch, thương hiệu nước mắm Hoài Hương, Hoài Hải sẽ có điều kiện được quảng bá, phát triển mở rộng sản xuất, có thể phát triển thành vùng tập trung nguyên liệu, liên kết sản xuất; là cơ hội để tiếp tục đầu tư nâng cấp các tàu cá, áp dụng kỹ thuật, công nghệ đánh bắt hiện đại, từng bước nâng cao năng lực đánh bắt thủy sản, tăng hiệu quả kinh tế, góp phần phát triển kinh tế biển gắn với phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế chủ lực của địa phương.

- Xã Hoài Hải đã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2021. Qua rà soát 13 tiêu chí về hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn của phường, xã Hoài Hải đã đạt 12/13 tiêu chí, còn 01[4] tiêu chí đang triển khai đầu tư xây dựng; nên về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị cơ bản đạt chuẩn. Sau khi nhập xã Hoài Hải vào phường Hoài Hương sẽ góp phần tăng tỷ lệ đô thị hóa của thị xã Hoài Nhơn (từ 73% lên 77%) tiếp tục xây dựng và phát triển thị xã Hoài Nhơn là cực tăng trưởng phía Bắc tỉnh, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thị xã. Tập trung phát triển kinh tế công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển; ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến; phát triển hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của thị xã. Phấn đấu đến năm 2025, thị xã Hoài Nhơn đạt tiêu chí đô thị

[4] Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi).

loại III và đến năm 2030, Hoài Nhơn trở thành thành phố trực thuộc tỉnh, là đô thị hạt nhân phát triển theo hướng đô thị xanh, bền vững.

b) Kết quả sau khi sắp xếp ĐVHC:

- Phường Hoài Hương có diện tích tự nhiên 15,44 km^2 (đạt 281% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 28.613 người (đạt 572% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Hoài Mỹ, phường Hoài Xuân và phường Hoài Thanh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hoài Hương: dự kiến tại trụ sở làm việc của phường Hoài Hương hiện nay (số 50 đường Văn Tiến Dũng, khu phố Nhuận An Đông, phường Hoài Hương).

c) Phương án sắp xếp ĐVHC xã Hoài Hải giai đoạn 2023 - 2025 phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023. UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục liên quan đến quy hoạch và phân loại, rà soát đánh giá chất lượng đô thị để hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn của ĐVHC đô thị hình thành sau sắp xếp. Lộ trình và thời gian hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn về đô thị như sau:

- Về lập thủ tục đề nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035, trong đó có định hướng quy hoạch xã Hoài Hải vào khu vực nội thị thị xã Hoài Nhơn: thời gian hoàn thành dự kiến ngày 30/11/2024.

- Về lập thủ tục đề nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035: thời gian hoàn thành dự kiến ngày 30/11/2024.

- Về rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với thị xã Hoài Nhơn và rà soát các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường Hoài Hương (sau khi nhập xã Hoài Hải): Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn đang thực hiện rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn nâng loại đô thị loại III thị xã Hoài Nhơn (đến năm 2025) và lập hồ sơ Đề án phân loại đô thị thị xã Hoài Nhơn đạt chuẩn đô thị loại III đề nghị cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Thời gian hoàn thành dự kiến ngày 30/8/2025.

Kết quả rà soát, đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn về đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC như sau:

c1) Các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường Hoài Hương (sau khi nhập xã Hoài Hải):

Đối chiếu theo tiêu chuẩn của phường tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022); UBND tỉnh Bình Định đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường Hoài Hương sau khi sắp xếp: Cơ bản đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định, còn 01 tiêu chuẩn chưa đạt là "đất cây xanh sử dụng, công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người" *(Chi tiết nêu tại mục I Phụ lục 3 kèm theo).*

c2) Rà soát, đánh giá tiêu chuẩn phân loại đô thị (loại IV) đối với thị xã Hoài Nhơn theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022):

Kết quả đánh giá hiện trạng các tiêu chí đạt 89,04/100 điểm, gồm:

- Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (gồm 08 tiêu chuẩn) đạt 16,75/18 điểm;

- Tiêu chí 2: Quy mô dân số (gồm 2 tiêu chuẩn) đạt 8/8 điểm;

- Tiêu chí 3: Mật độ dân số (gồm 2 tiêu chuẩn) đạt 6/8 điểm;

- Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (gồm 2 tiêu chuẩn) đạt 6/6 điểm;

- Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (gồm 49 tiêu chuẩn) đạt 52,29/60 điểm.

Qua đánh giá chi tiết 5/5 tiêu chí phân loại đô thị (bao gồm 63 tiêu chuẩn đánh giá đối với đô thị loại IV), kết quả đạt 89,04 điểm, lớn hơn mức tối thiểu được công nhận loại đô thị là 75 điểm. Như vậy, sau khi nhập xã Hoài Hải vào phường Hoài Hương, khu vực nội thị thị xã Hoài Nhơn (bao gồm xã Hoài Hải) vẫn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV *(chi tiết nêu tại mục II Phụ lục 3 kèm theo).*

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

Theo phương án sắp xếp nêu tại Mục I Phần III thì 02 phường: Trần Phú và Thị Nại hình thành sau sắp xếp (thuộc thành phố Quy Nhơn) chưa đạt tiêu chuẩn diện tích tự nhiên theo quy định, tuy nhiên phương án sắp xếp thực hiện

nhập 03 ĐVHC cùng cấp nên tiêu chuẩn diện tích không cần phải đạt theo quy định (áp dụng khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

III. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH SAU SẮP XẾP

1. ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp: 159 đơn vị (gồm 116 xã, 32 phường và 11 thị trấn).

2. ĐVHC cấp xã sau sắp xếp: 154 đơn vị (gồm 115 xã, 28 phường, 11 thị trấn).

3. ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: 05 đơn vị (gồm 01 xã và 04 phường).

Phần IV
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã là một chủ trương lớn của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước. Tỉnh Bình Định thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Quy Nhơn và thị xã Hoài Nhơn là phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung của cả nước, nhằm góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn.

Tuy nhiên, việc sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ gặp không ít khó khăn, phức tạp khi triển khai thực hiện bởi vì có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn các xã, phường có liên quan. Vì vậy, công tác tư tưởng và quyết tâm chính trị của các cấp chính quyền là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công. Do đó phải tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cấp ủy để lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt với quyết tâm cao, tạo sự đồng thuận của toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân tại các địa phương có liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC. Đồng thời, khi sáp nhập sẽ được thực hiện theo lộ trình để có thể giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng, tác động đến cuộc sống của người dân, cũng như cán bộ, công chức khi sắp xếp.

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

a) Tác động tích cực

Sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

cơ sở (sau khi giảm 5 ĐVHC sẽ tinh gọn, giảm 5 đầu mối Đảng ủy, HĐND, UBND và 25 đầu mối tổ chức chính trị - xã hội).

ĐVHC cấp xã hình thành sau khi sắp xếp có diện tích tự nhiên, quy mô dân số phù hợp với khả năng quản lý của chính quyền cơ sở; tạo thuận lợi cho liên lạc và giao dịch hành chính của công dân. Việc sáp nhập hai, ba bộ máy hành chính sẽ tinh giản số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách qua đó sẽ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng phục vụ, năng lực, chất lượng bộ máy chính quyền địa phương; góp phần giảm bớt áp lực về biên chế, quỹ tiền lương, chi phí hoạt động thường xuyên.

b) Tác động tiêu cực

Ban đầu sẽ có những khó khăn nhất định như do thay đổi về cán bộ quản lý và quy mô quản lý; lộ trình, thời gian thực hiện việc sáp nhập sẽ ảnh hưởng đến việc chuẩn bị Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 - 2030 và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; sẽ có khó khăn trong việc quản lý, lưu trữ, sắp xếp, hoàn chỉnh giấy tờ, sổ sách quản lý hành chính; quản lý tài chính, thanh toán, quyết toán; quản lý, sử dụng tài sản công. Khó khăn trong việc ổn định tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức; và nguồn ngân sách để giải quyết số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau khi sáp nhập.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực

Khi thực hiện sáp nhập ĐVHC cấp xã, góp phần làm tăng nguồn lực, quy mô kinh tế, hiệu quả đầu tư xã hội của các ĐVHC mới.

Sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần giảm chi phí xây dựng công sở, mua sắm trang thiết bị; tổ chức bộ máy được tinh gọn, biên chế tinh giản giúp tiết kiệm chi thường xuyên; các nguồn lực công này sẽ được tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế.

b) Tác động tiêu cực

Ảnh hưởng tới việc quy hoạch và sử dụng các trụ sở cấp ủy, chính quyền, thiết chế văn hóa, xã hội, hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC cấp xã mới.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

a) Tác động tích cực

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, thu hút được nhà đầu tư, tạo nhiều cơ hội việc làm, tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng

số lượng dân cư; ý thức và đời sống Nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn.

Phát huy hiệu quả nguồn lực của Nhà nước trong quy hoạch tổng thể thế trận quân sự, tác chiến phòng thủ từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư trang thiết bị quốc phòng, an ninh ở các đơn vị vì số lượng đầu mối ít hơn; quy mô, phạm vi ĐVHC rộng hơn;...

b) Tác động tiêu cực

Khi nhập ĐVHC thì công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh sẽ khó khăn, phức tạp hơn.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

a) Tác động tích cực

Sắp xếp các ĐVHC cấp xã nhằm tinh gọn bộ máy, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, góp phần tinh giản biên chế và giảm chi ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, công dân, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

Sự phát triển của công nghệ thông tin trong việc quản lý, điều hành đã và đang chuyển dần từ cơ học, thủ công sang chính quyền điện tử tạo điều kiện để các cơ quan sau khi sáp nhập tập trung các nguồn lực, đầu tư, quan tâm đến chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân theo hướng hiện đại, tại chỗ.

b) Tác động tiêu cực

Thời gian ban đầu sau khi sắp xếp sẽ tăng khối lượng công việc phải giải quyết khi chuyển đổi các loại giấy tờ nhân thân của người dân do thay đổi giấy tờ, địa chỉ và các thủ tục hành chính cần thiết khác.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

Những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và ngoại giao thời gian qua, cùng với việc Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tích cực cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; chính vì thế Nhân dân phấn khởi và ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước.

Việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và việc sắp xếp ĐVHC cấp xã có ý nghĩa thiết thực với Nhân dân, tạo

điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, phẩm chất, phục vụ Nhân dân tốt hơn nên sẽ nhận được sự đồng thuận của Nhân dân.

Đảng đã có nghị quyết cụ thể xác định rõ các mục tiêu và lộ trình thực hiện; các văn bản của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của các Bộ tạo thuận lợi cho các cấp trong xây dựng và triển khai thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã kéo theo số lượng cán bộ, công chức thôi đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo vị trí việc làm, tinh giản biên chế, cán bộ dôi dư nên ảnh hưởng đến tâm tư, lợi ích cá nhân. Do đó, các địa phương phải chủ động trong việc bố trí phương án, lộ trình thực hiện hợp lý và cần phải ban hành chính sách hỗ trợ phù hợp, thỏa đáng, đảm bảo quyền lợi đối với cán bộ, công chức.

Sắp xếp ĐVHC cấp xã gần kề thời điểm tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, nhất là ở cơ sở, nên có phần ảnh hưởng tới công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ cơ sở các phường.

Nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc sắp xếp ĐVHC cấp xã còn hạn chế. Tâm lý người dân ở một số nơi còn ngại thay đổi ĐVHC hiện có do muốn giữ mô hình ĐVHC đã gắn bó nhiều năm, lo ngại về sự phức tạp giấy tờ pháp lý liên quan trực tiếp tới người dân khi thay đổi ĐVHC.

Khi nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hoài Hải vào phường Hoài Hương thành ĐVHC đô thị có khó khăn, vì phải lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch và phân loại đô thị đối với thị xã Hoài Nhơn, đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường Hoài Hương (mới) theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022).

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

Do lần đầu thực hiện việc sắp xếp ĐVHC nên các địa phương thực hiện còn lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền trong xây dựng Đè án còn chậm, chưa đồng bộ.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của pháp luật về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiện toàn, chuyển đổi bộ máy phù hợp với quy mô, tính chất của ĐVHC sau sắp xếp. Thực hiện nghiêm việc rà soát, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở các cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đang làm việc cao hơn số lượng biên chế được giao để bố trí, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, phù hợp với tiêu chuẩn, chức danh, yêu cầu công việc. Rà soát, điều chỉnh phương án xử lý, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế, giáo dục, để bảo đảm tốt hơn, thuận lợi hơn việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu cho người dân.

Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo đúng quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện việc lập, phê duyệt các đồ án và đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển đô thị, bảo đảm kết nối và phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh của địa phương. Bố trí nguồn lực đầu tư và có lộ trình, kế hoạch phát triển hạ tầng đô thị các phường phù hợp kể từ khi thực hiện sắp xếp, các đô thị hình thành do sắp xếp ĐVHC đô thị với ĐVHC nông thôn đạt tiêu chí, tiêu chuẩn của loại đô thị tương ứng theo quy định của pháp luật.

Rà soát, lập danh sách các trụ sở của cơ quan, tổ chức ở các ĐVHC đã thực hiện sắp xếp sử dụng hoặc thanh lý để xử lý, chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng thì khẩn trương làm thủ tục bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu; lập kế hoạch, dự toán, cấp bổ sung kinh phí phục vụ việc cải tạo, chuyển đổi công năng, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng mục đích sử dụng mới. Tổ chức bán đấu giá các trụ sở dôi dư, không sử dụng để bổ sung kinh phí cho địa phương. Chính phủ chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn việc thực hiện thủ tục thanh lý, bán đấu giá tài sản, quyền sử dụng đất tại các trụ sở công thuộc diện này, bảo đảm đơn giản thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, tránh gây lãng phí, giảm giá trị do hư hỏng, tài sản xuống cấp. Chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của ĐVHC hình thành sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Ưu tiên nguồn lực, có chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp lý, đặc thù cho các ĐVHC hình thành sau sắp xếp để có điều kiện ổn định tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Hoàn thành việc lập mới, chỉnh lý bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp có liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

a) Năm 2024

- Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp xã theo Phương án tổng thể, Đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và tập trung giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp (nếu có).

b) Năm 2025

- Tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 (trong đó có những ĐVHC hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025).

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở những ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp (nếu có).

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp xã.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Dự kiến tổng kinh phí khoảng 9,5 tỷ đồng.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp ĐVHC cấp xã phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

1.1. Tổ chức Đảng

Căn cứ Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, cấp ủy các địa phương xây dựng phương án sắp xếp; quyết định thành lập đảng bộ mới trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức đảng của ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp; chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy của các ĐVHC mới theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương. Việc sắp xếp tổ chức Đảng thực hiện đồng bộ với sắp xếp ĐVHC cấp xã. Nhiệm kỳ đầu tiên của Đảng bộ mới thành lập cùng nhiệm kỳ của Đảng bộ ĐVHC cấp xã thực hiện hợp nhất, sáp nhập.

1.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Căn cứ điều lệ, các hướng dẫn của Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện chỉ đạo: xây dựng phương án sắp xếp, chuyển giao tổ chức và kiện toàn cán bộ; quy trình thành lập tổ chức, xác định nhiệm kỳ đầu tiên và cách tính số thứ tự nhiệm kỳ đại hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp; số lượng Ủy

viên Ủy ban, Ban Thường trực, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch (Phó Bí thư) tổ chức chính trị - xã hội nhiệm kỳ đầu tiên ở ĐVHC sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số hiện có của các tổ chức trước khi sắp xếp ĐVHC; đồng thời, khuyến khích thực hiện giảm số lượng các chức danh trên để sớm theo quy định.

1.3. Tổ chức chính quyền địa phương

- Đại biểu HĐND của các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. HĐND ở ĐVHC mới sau khi sắp xếp bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, các Ban HĐND phường.

- UBND ở ĐVHC cấp xã mới do HĐND bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường.

1.4. Tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, trạm y tế

- Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở: Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã, tạm thời giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự, giữ nguyên cơ sở vật chất, phòng học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh đề án sắp xếp các trường học trên địa bàn để triển khai thực hiện cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC cấp xã.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương và trường học thực hiện phương án sắp xếp cho phù hợp.

- Đối với trạm y tế: Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã tạm thời giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự; giữ nguyên cơ sở vật chất của các trạm y tế (cũ) làm điểm khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân để phục vụ Nhân dân thuận lợi nhất. Phương án nhập Trạm y tế do Trung tâm y tế cấp huyện xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Sở Y tế hướng dẫn các địa phương và cơ sở y tế thực hiện phương án sắp xếp cho phù hợp.

1.5. Tổ chức Quân sự

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hướng dẫn các địa phương và Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện thực hiện theo Văn bản số 2376/BQP-TM ngày 08/7/2023 của Bộ Quốc phòng trong việc sáp nhập, giải thể, thành lập Ban Chỉ huy Quân sự phường và các đơn vị dân quân tự vệ.

1.6. Tổ chức Công an

Công an tỉnh hướng dẫn các địa phương và Công an cấp huyện phương án sắp xếp, bố trí công an ở phường mới thành lập cho phù hợp.

1.7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC mới hoàn thành xong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức bộ máy.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Phường Trần Phú (mới) thuộc thành phố Quy Nhơn

a) Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức:

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có của 03 phường thực hiện sắp xếp: 59 người (trong đó cán bộ 30 người, công chức 29 người).

- Số lượng cán bộ, công chức dự kiến của phường Trần Phú (mới) theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 32 người. Dự kiến bố trí 31 người, trong đó cán bộ 11 người (có 01 người kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND) và công chức 20 người.

- Số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC: 28 người (trong đó cán bộ 19 người, công chức 09 người).

- Phương án sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư:

+ Đối với cán bộ (19 người):

Có 02/19 người đủ tuổi nghỉ hưu và nghỉ công tác trong năm 2024 và đầu năm 2025.

Vận động nghỉ chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu 01/19 người (Bí thư).

Bố trí, sắp xếp cho 14/19 người bằng các hình thức: điều động sang các phường khác 04 người (gồm: 01 Phó Bí thư - Chủ tịch HĐND, 02 Phó Bí thư - Chủ tịch UBND, 01 Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam); tiếp nhận về các phòng, ban, cơ quan thuộc thành phố Quy Nhơn 09 người (gồm: 04 người là Phó Chủ tịch UBND, 01 Phó Chủ tịch HĐND; 01 Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam; 02 Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; 01 Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh); chuyển sang công chức cấp xã 01 người (Phó Chủ tịch HĐND vì không đủ tuổi tái cử cấp ủy).

Vận động nghỉ công tác 02/19 người (02 Chủ tịch Hội Cựu chiến binh là cán bộ hưu trí).

+ Đối với công chức (09 người): Trước mắt vẫn tiếp tục bố trí tại ĐVHC mới hình thành, sau đó tiến hành sắp xếp, bố trí về các phường, xã còn thiếu chỉ tiêu công chức.

b) Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có của 03 phường thực hiện sắp xếp: 28 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dự kiến của phường Trần Phú (mới) theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 23 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC: 05 người. Trước mắt vẫn tiếp tục bố trí tại ĐVHC mới hình thành, sau đó sẽ tiến hành phân loại, cho thôi việc đối với những người là cán bộ hưu trí hoặc những người đã quá tuổi lao động tham gia công tác, số còn lại sẽ điều chuyển đến các phường, xã khác còn thiếu hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

2.2. Phường Thị Nại (mới) thuộc thành phố Quy Nhơn

a) Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức:

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có của 03 phường thực hiện sắp xếp: 55 người (trong đó cán bộ 28 người, công chức 27 người).

- Số lượng cán bộ, công chức dự kiến của phường Thị Nại (mới) theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 29 người. Dự kiến bố trí 28 người, trong đó cán bộ 10 người (có 01 người kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND) và công chức 18 người.

- Số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC: 27 người (trong đó cán bộ 18 người, công chức 09 người).

- Phương án sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư:

+ Đối với cán bộ (18 người):

Có 03/18 người đủ tuổi nghỉ hưu và nghỉ công tác trong năm 2024 và đầu năm 2025.

Vận động nghỉ chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu 01/18 người (Phó Chủ tịch HĐND).

Vận động nghỉ công tác 02/18 người (02 Chủ tịch Hội Cựu chiến binh là cán bộ hưu trí).

Bố trí, sắp xếp cho 12/18 người bằng các hình thức: điều động sang các phường khác 05 người (gồm: 02 Phó Bí thư - Chủ tịch UBND, 01 Phó Bí thư - Chủ tịch HĐND, 02 Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam); tiếp nhận về các phòng, ban, cơ quan thuộc thành phố Quy Nhơn 07 người (gồm: 04 Phó Chủ tịch UBND, 02 Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, 01 Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh).

+ Đối với công chức (09 người): Trước mắt vẫn tiếp tục bố trí tại ĐVHC mới hình thành, sau đó tiến hành sắp xếp, bố trí về các phường, xã còn thiếu chỉ tiêu công chức.

b) Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có của 03 phường thực hiện sắp xếp: 25 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dự kiến của phường Thị Nại (mới) theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 20 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC: 05 người. Trước mắt vẫn tiếp tục bố trí tại ĐVHC mới hình thành, sau đó sẽ tiến hành phân loại, cho thôi việc đối với những người là cán bộ hưu trí hoặc những người đã quá tuổi lao động tham gia công tác, số còn lại sẽ điều chuyển đến các phường, xã khác còn thiếu hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

2.3. Phường Hoài Hương (mới) thuộc thị xã Hoài Nhơn

a) Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức:

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có của 02 phường thực hiện sắp xếp: 40 người (trong đó cán bộ 20 người, công chức 20 người).

- Số lượng cấn bộ, công chức dự kiến của phường Hoài Hương (mới) theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 28 người, trong đó cán bộ 12 người và công chức 16 người.

- Số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC: 12 người, trong đó cán bộ 08 người, công chức 04 người.

- Phương án sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư:

+ Đối với cán bộ (08 người):

Có 04/08 người nghỉ hưu trước tuổi theo chính sách tinh giản biên chế.

Bố trí, sắp xếp cho 04/08 người bằng các hình thức: điều động sang các phường, xã khác (02 người); chuyển sang công chức phường Hoài Hương và xã, phường khác (02 người).

+ Đối với công chức (04 người):

Có 02/04 người nghỉ hưu trước tuổi theo chính sách tinh giản biên chế.

Bố trí, sắp xếp cho 02/04 người bằng hình thức điều động sang các phường, xã khác.

b) Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách:

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có của 02 phường, xã thực hiện sắp xếp: 23 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dự kiến của phường Hoài Hương (mới) theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 19 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC: 04 người.

- Phương án sắp xếp người hoạt động không chuyên trách dôi dư: 01 người giải quyết nghỉ việc do không đảm bảo tiêu chuẩn, 03 người sẽ điều chuyển đến các phường, xã khác còn thiếu.

2.4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở các ĐVHC sau sắp xếp bảo đảm đúng theo quy định.

- Các địa phương xây dựng Phương án bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm.

- Ưu tiên bố trí, sắp xếp cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, tiêu chuẩn, điều kiện vào các chức danh tương đương hoặc ưu tiên giới thiệu bầu chức danh cán bộ ở các xã, phường có nhu cầu hoặc ưu tiên tuyển dụng làm công chức cấp xã, cấp huyện trở lên nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

- Xác định rõ số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

Các chế độ, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, quản lý và các chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ, Hướng dẫn của

Ban Tổ chức Trung ương. Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở các xã, phường thì được áp dụng theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương. Trường hợp thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức thì thực hiện theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

Sau sắp xếp ĐVHC, cần thực hiện tốt phương án, lộ trình sắp xếp, đồng thời thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC bảo đảm đúng quy định, cụ thể:

- Đối với số lượng cán bộ dôi dư: Các địa phương căn cứ theo các tiêu chuẩn quy định về công tác cán bộ, thực hiện lựa chọn những người đảm bảo đủ tiêu chuẩn để bầu giữ các chức vụ lãnh đạo theo quy định, số cán bộ lãnh đạo còn lại dôi dư thực hiện cho bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ theo quy định.

- Điều động, bố trí giữ các vị trí phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và chức danh theo quy định tại các ĐVHC cùng cấp khác trên địa bàn còn khuyết nhân sự.

- Thực hiện quy trình tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã làm công chức cấp huyện đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn và còn biên chế công chức cấp huyện chưa sử dụng.

- Vận động cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã lớn tuổi, chưa đạt tiêu chuẩn tự nguyện xin nghỉ để hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết chế độ nghỉ hưu, thôi việc theo nguyện vọng và thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC đảm bảo theo quy định.

Ngoài các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành, UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC nhằm tạo động lực để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Danh sách và dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục số 4A, 4B kèm theo Đề án. Một số nội dụng cụ thể như sau:

1. Thành phố Quy Nhơn

1.1. Phương án xử lý trụ sở

Tổng số trụ sở của 06 phường: Lê Hồng Phong, Trần Phú, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Thị Nại, Lê Lợi thuộc diện xử lý sau sắp xếp là 55 trụ sở. Tỉnh Bình Định dự kiến phương án xử lý như sau:

a) Giữ lại tiếp tục sử dụng: 45 trụ sở, trong đó:

- Trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt: Theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã, trụ sở làm việc của UBND phường Trần Phú (mới) dự kiến bố trí tại Trụ sở UBND phường Trần Phú. Tuy nhiên, qua rà soát, trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt có vị trí trung tâm, không gian thông thoáng, giao thông thuận tiện, quản lý an ninh, trật tự thuận lợi nên tỉnh sẽ giữ lại Trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt để bố trí làm trụ sở của UBND phường Trần Phú (mới). Mặt khác, dự kiến sau sắp xếp, trụ sở Công an phường Lý Thường Kiệt dôi dư (tài sản của cơ quan Trung ương quản lý), có vị trí liền kề với trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt nên sẽ đề nghị tiếp nhận trụ sở Công an phường Lý Thường Kiệt để mở rộng diện tích trụ sở UBND phường Trần Phú (mới).

- Trụ sở UBND phường Trần Phú: Giữ lại để bố trí làm Trường (điểm trường) Mẫu giáo 8/3 và Khu sinh hoạt Nhân dân Khu phố 3, lý do các điểm trường Mẫu giáo 8/3 hiện nay phần lớn được cải tạo từ nhà ở, thiếu sân chơi, không đạt tiêu chuẩn trường mẫu giáo, phường Trần Phú chưa có Khu sinh hoạt Nhân dân khu phố 3. Vì vậy giữ lại để làm mục đích giáo dục và làm nơi sinh hoạt Nhân dân là cần thiết.

- Trụ sở UBND phường Lê Hồng Phong: Giữ lại để dự kiến bố trí làm Nhà mẫu giáo kết hợp Khu sinh hoạt Nhân dân khu phố 5 phường Lý Thường Kiệt, do địa bàn có mức độ đô thị hóa nhanh, quy mô dân số dự kiến tăng thêm, cần thiết phải mở rộng các điểm trường mẫu giáo, mặt khác khu phố chưa có nhà sinh hoạt Nhân dân, đông dân cư, đảng viên nhiều cần có khu sinh hoạt rộng rãi.

- Trụ sở UBND phường Lê Lợi: Bố trí làm Trụ sở làm việc của UBND phường Thị Nại (mới) theo như Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã.

- Trụ sở UBND phường Trần Hưng Đạo: Giữ lại làm điểm trường Mẫu giáo Hoa Hồng và Khu sinh hoạt Nhân dân khu phố 7 phường Trần Hưng Đạo; lý do các điểm trường Mẫu giáo Hoa Hồng phần lớn được cải tạo từ nhà ở, thiếu sân chơi, không đạt tiêu chuẩn trường mẫu giáo, phường Trần Hưng Đạo chưa có Khu sinh hoạt Nhân dân khu phố 7. Vì vậy giữ lại để làm mục đích giáo dục và làm nơi sinh hoạt Nhân dân là cần thiết.

- 06 trụ sở là 06 trạm y tế phường: Giữ lại để tiếp tục làm 06 điểm trạm y tế của 02 phường mới vì sau sắp xếp, địa bàn phường mới sẽ rộng, dân cư của phường mới tăng lên, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết.

- 34 trụ sở khác là các trụ sở khu phố, khu sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo: Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố, khu sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo.

b) Điều chuyển: 02 trụ sở, trong đó:

- Trụ sở UBND phường Thị Nại hiện nay (số 85 Đống Đa, thành phố Quy Nhơn): Điều chuyển từ UBND phường Thị Nại (mới) sang cho Đội Trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn để bố trí trụ sở làm việc. Đội Trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn, Đội có số lượng viên chức 74 người, số lượng phương tiện làm việc nhiều, quá trình làm công tác trật tự đô thị có tạm giữ nhiều tang vật vi phạm hành chính, địa điểm làm việc hiện tại ở số 1057 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn có diện tích nhỏ (diện tích đất là 112 m^2) không đủ chỗ để đậu đỗ phương tiện, cất giữ tang vật. Do đó việc bố trí trụ sở UBND phường Thị Nại cho Đội Trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn là phù hợp. Sau khi được bố trí trụ sở mới, tỉnh sẽ thực hiện thủ tục giao, điều chuyển trụ sở cũ của Đội Trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn cho đơn vị khác có nhu cầu sử dụng hoặc bán đấu giá để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Trụ sở UBND phường Thị Nại cũ (số 129 đường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn): UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương điều chuyển cơ sở nhà, đất cho Công an phường Thị Nại để bố trí làm việc tại Công văn số 5117/UBND-KT ngày 05/9/2022, đến nay Công an tỉnh vẫn chưa phối hợp cơ quan của địa phương để hoàn thiện các thủ tục về việc chuyển giao trụ sở cũ của Công an phường Thị Nại tại số 51 đường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn về địa phương và điều chuyển, tiếp nhận trụ sở UBND phường Thị Nại cũ.

c) Bán đấu giá đối với 08 trụ sở là 05 trụ sở khu phố, 02 trụ sở ban bảo vệ dân phố, 01 trụ sở lớp học tình thương hiện đang dôi dư, có diện tích nhỏ, đồng thời tạo nguồn vốn để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

1.2. Phương án xử lý xe ô tô

Hiện nay, 06 phường đang quản lý, sử dụng 06 xe ô tô tải (01 xe/phường). Qua rà soát, tỉnh dự kiến phương án xử lý xe ô tô của các phường cụ thể như sau:

a) Giữ lại 01 xe ô tô của UBND phường Lý Thường Kiệt để bố trí cho UBND phường Trần Phú (mới), giữ lại 01 xe ô tô của UBND phường Trần Hưng Đạo để bố trí cho UBND phường Thị Nại (mới).

b) Điều chuyển 03 xe ô tô của UBND phường Lê Hồng Phong, UBND phường Trần Phú và UBND phường Thị Nại sang cho Đội Trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn (còn thiếu 04 xe ô tô tải so với tiêu chuẩn, định mức).

c) Thanh lý 01 xe ô tô của UBND phường Lê Lợi.

2. Thị xã Hoài Nhơn

2.1. Phương án xử lý trụ sở

Tổng số trụ sở của xã Hoài Hải và phường Hoài Hương thuộc diện xử lý sau sắp xếp là 23 trụ sở. Tỉnh Bình Định dự kiến phương án xử lý như sau:

a) Giữ lại tiếp tục sử dụng: 22 trụ sở, trong đó:

- Trụ sở UBND phường Hoài Hương: Bố trí làm Trụ sở làm việc của UBND phường Hoài Hương (mới) theo như Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã đã gửi Bộ Nội vụ.

- Trụ sở UBND xã Hoài Hải: Giữ lại để bố trí làm Nhà văn hóa thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải do hiện nay Nhà văn hóa thôn Kim Giao Nam diện tích nhỏ, không đảm bảo sinh hoạt, mặt khác vị trí hiện nay của Nhà Văn hóa thôn Kim Giao Nam thuộc quy hoạch mở rộng đường, vỉa hè.

- 20 trụ sở khác là nhà văn hóa thể thao xã, nhà văn hóa thôn, khu phố, điểm sinh hoạt người cao tuổi, khu vui chơi trẻ em: Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao.

b) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 01 trụ sở, cụ thể chuyển giao cơ sở nhà, đất là Nhà văn hóa thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải thuộc quy hoạch mở rộng đường, vỉa hè về UBND thị xã Hoài Nhơn quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2.2. Phương án xử lý xe ô tô

Hiện nay, phường Hoài Hương đang quản lý, sử dụng 01 xe ô tô tải, xã Hoài Hải chưa có xe. Theo đó, giữ lại 01 xe ô tô của UBND phường Hoài Hương để bố trí cho UBND phường Hoài Hương (mới).

3. Lộ trình giải quyết việc xử lý trụ sở, xe ô tô sau sắp xếp

3.1. Đối với việc xử lý trụ sở

Tổng số trụ sở thuộc diện xử lý sau sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định là 78 trụ sở (55 trụ sở của 06 phường thuộc thành phố Quy Nhơn và 23 trụ sở của 02 xã, phường thuộc thị xã Hoài Nhơn), 78 trụ sở

này đều đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành phải hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại ĐVHC sau sắp xếp"*. Về lộ trình giải quyết 78 trụ sở sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành như sau:

a) Đối với 67 trụ sở dự kiến giữ lại tiếp tục sử dụng: 03 UBND phường mới hình thành sau sắp xếp sẽ tiếp tục sử dụng các trụ sở được giữ lại như mục đích đã nêu, đồng thời tiến hành cải tạo, sửa chữa một số trụ sở cần thiết phải cải tạo để phù hợp với công năng, mục đích sử dụng mới (chuyển từ trụ sở có công năng làm việc sang công trình sự nghiệp giáo dục).

b) Đối với 02 trụ sở điều chuyển, 01 trụ sở chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: UBND tỉnh sẽ giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện ngay thủ tục điều chuyển, tiếp nhận, chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chuyển, chuyển giao tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Đối với 08 trụ sở dự kiến bán đấu giá: UBND tỉnh sẽ giao UBND thành phố Quy Nhơn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn đối với 08 khu đất của 08 trụ sở đề nghị bán đấu giá, đồng thời đưa 08 khu đất này vào Quy hoạch sử dụng đất thành phố Quy Nhơn thời kỳ 2021 - 2030, đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm và thực hiện các thủ tục có liên quan về đất đai theo quy định.

Sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên, Sở Tài chính sẽ chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Quy Nhơn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc bán đấu giá 08 trụ sở nêu trên theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thời gian thực hiện xong việc bán đấu giá dự kiến trong vòng 18 tháng kể từ khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành.

3.2. Đối với việc xử lý xe ô tô

Tổng số xe ô tô thuộc diện xử lý sau sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định là 07 xe ô tô chuyên dùng (06 xe thuộc thành phố Quy Nhơn và 01 xe thuộc thị xã Hoài Nhơn). Lộ trình xử lý 07 xe ô tô sau khi

Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành như sau:

a) Đối với 03 xe ô tô dự kiến giữ lại tiếp tục sử dụng: 03 UBND phường mới hình thành sau sắp xếp sẽ tiếp tục sử dụng 03 xe ô tô như đã nêu trên.

b) Đối với 03 xe ô tô điều chuyển, 01 xe thanh lý: UBND tỉnh sẽ giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp hướng dẫn UBND thành phố Quy Nhơn chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện ngay thủ tục điều chuyển, thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. HĐND, UBND tỉnh và HĐND, UBND thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan bảo đảm phù hợp với việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã.

c) Tổ chức xây dựng đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã; tổ chức lấy ý kiến cử tri về đề án; thông qua đề án theo quy định.

d) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các ĐVHC cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp.

đ) UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định miễn giảm các khoản lệ phí về hộ tịch, đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất và các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh đối với các trường hợp bị tác động bởi sắp xếp ĐVHC cấp xã.

e) Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC đô thị sau sắp xếp.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025 theo Đề án này là phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung của cả nước. Việc sắp xếp các phường, xã sẽ tăng quy mô ĐVHC, tạo sự thay đổi tích cực và tập trung được nguồn lực, phát huy tiềm năng phát triển của địa phương, phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm được chi tiêu công, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, xây dựng bộ máy hành chính hiệu lực, hiệu quả. Sau khi sắp xếp, các ĐVHC cũng có thêm điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với nhiệm vụ, định hướng, chương trình phát triển đô thị, góp phần tăng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh.

2. Kiến nghị, đề xuất

a) Kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành quy định chung về việc miễn giảm tất cả các loại phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển đổi giấy tờ cho Nhân dân, doanh nghiệp chịu tác động bởi sắp xếp ĐVHC để các địa phương trong cả nước đồng bộ triển khai kịp thời việc miễn phí, lệ phí theo quy định. Bởi vì, nếu để chính quyền địa phương cấp tỉnh rà soát, ban hành quyết định miễn giảm phí, lệ phí chuyển đổi giấy tờ khi thực hiện sắp xếp ĐVHC (theo Công văn số 8006/BTC-NSNN ngày 31/7/2023 của Bộ Tài chính) thì mất rất nhiều thời gian để thực hiện quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

b) Việc nhập xã Hoài Hải vào phường Hoài Hương thành ĐVHC đô thị cần phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của ĐVHC đô thị dự kiến hình thành theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022), nhưng hiện nay chưa thực hiện việc lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch; đánh giá tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với thị xã Hoài Nhơn và trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường Hoài Hương (mới). Do thời gian lập Đề án sắp xếp rất cấp bách, ngoài sự cố gắng của tỉnh rất cần có sự quan tâm, hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương liên quan để hoàn thiện các thủ tục theo quy định hiện hành để thị xã Hoài Nhơn và phường Hoài Hương (mới) được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, UBND tỉnh Bình Định kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: VT, K7, K12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục 1A

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Các huyện**										
1	An Lão	X		12.477	37,8%		696,88	82%	33.030	83%	10
2	Hoài Ân			3.926	3,5%		753,20	167%	111.048	93%	15
3	Phù Mỹ			54	0,03%		556,08	124%	210.666	176%	19
4	Vĩnh Thạnh	X		10.744	30,0%		716,91	84%	35.772	45%	9
5	Tây Sơn			1.885	1,3%		692,20	154%	150.352	125%	15
6	Phù Cát			111	0,05%		680,71	151%	226.356	189%	18
7	Tuy Phước						219,87	49%	219.061	183%	13
8	Vân Canh	X		13.557	41,5%		799,13	94%	32.678	82%	7

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
II	**Thành phố**										
1	Quy Nhơn			516	0,2%		286,06	191%	316.639	211%	21
III	**Các thị xã**										
1	Hoài Nhơn			269	0,1%		420,87	210%	256.048	256%	17
2	An Nhơn						244,49	122%	208.396	208%	15

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục 2A

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Các xã**										
1	Nhơn Châu	TP. Quy Nhơn		X				3,62	60%	2.329	146%
2	Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn						12,15	41%	5.992	75%
3	Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn			11	0,2%		40,23	134%	5.242	66%
4	Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn						14,95	50%	10.234	128%
5	Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	X					68,63	137%	6.934	139%
6	Hoài Châu	TX. Hoài Nhơn			10	0,1%		22,60	75%	10.733	134%
7	Hoài Châu Bắc	TX. Hoài Nhơn			7	0,1%		22,49	75%	11.131	139%
8	Hoài Hải	TX. Hoài Nhơn			10	0,1%		4,70	16%	8.283	104%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
9	Hoài Mỹ	TX. Hoài Nhơn			24	0,2%		48,92	163%	15.838	198%
10	Hoài Phú	TX. Hoài Nhơn			18	0,2%		40,51	135%	10.371	130%
11	Hoài Sơn	TX. Hoài Nhơn	X		5	0,04%		59,37	119%	11.664	233%
12	Nhơn An	TX. An Nhơn						8,92	30%	11.663	146%
13	Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn						10,99	37%	11.624	145%
14	Nhơn Hậu	TX. An Nhơn						12,28	41%	15.660	196%
15	Nhơn Khánh	TX. An Nhơn						8,65	29%	9.942	124%
16	Nhơn Lộc	TX. An Nhơn						12,27	41%	10.388	130%
17	Nhơn Mỹ	TX. An Nhơn						17,29	58%	13.086	164%
18	Nhơn Phong	TX. An Nhơn						8,20	27%	9.863	123%
19	Nhơn Phúc	TX. An Nhơn						10,45	35%	11.689	146%
20	Nhơn Tân	TX. An Nhơn						63,23	211%	9.649	121%
21	Nhơn Thọ	TX. An Nhơn						32,03	107%	10.464	131%
22	An Dũng	H. An Lão	X		1.792	98,8%		42.47	85%	1.813	181%
23	An Hòa	H. An Lão	X		85	0,7%		41.16	82%	12.742	255%
24	An Hưng	H. An Lão	X		1.628	99,1%		66.19	132%	1.643	164%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
25	An Nghĩa	H. An Lão	X		731	97,6%		37,59	75%	749	75%
26	An Quang	H. An Lão	X		1.325	95,7%		55,32	111%	1.384	138%
27	An Tân	H. An Lão	X		198	4,5%		23,27	47%	4.357	87%
28	An Toàn	H. An Lão	X		968	95,3%		262,75	525%	1.016	102%
29	An Trung	H. An Lão	X		2.459	93,6%		68,54	137%	2.627	263%
30	An Vinh	H. An Lão	X		2.049	100%		85,18	170%	2.049	205%
31	Ân Đức	H. Hoài Ân						28,53	95%	10.593	132%
32	Ân Hảo Đông	H. Hoài Ân	X					36,95	74%	8.906	178%
33	Ân Hảo Tây	H. Hoài Ân	X					27,16	54%	5.293	106%
34	Ân Hữu	H. Hoài Ân	X					39,75	79%	7.125	143%
35	Ân Mỹ	H. Hoài Ân			27	0,3%		31,35	105%	8.232	103%
36	Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	X		12	0,1%		97,74	195%	12.030	241%
37	Ân Phong	H. Hoài Ân						31,31	104%	8.556	107%
38	Ân Sơn	H. Hoài Ân	X		597	99,8%		62,46	125%	598	60%
39	Ân Thạnh	H. Hoài Ân						17,56	59%	10.404	130%
40	Ân Tín	H. Hoài Ân						31,86	106%	10.495	131%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
41	Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	X		73	1,2%		50,74	101%	6.109	122%
42	Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	X		15	0,2%		62,43	125%	9.952	199%
43	Bok Tới	H. Hoài Ân	X		1.830	98,1%		104,96	210%	1.866	187%
44	Đak Mang	H. Hoài Ân	X		1.355	99%		125,27	251%	1.365	137%
45	Mỹ An	H. Phù Mỹ						24,41	81%	11.027	138%
46	Mỹ Cát	H. Phù Mỹ						8,85	29%	7.806	98%
47	Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ						22,22	74%	16.200	203%
48	Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ						23,60	79%	5.473	68%
49	Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	X					31,79	64%	10.466	209%
50	Mỹ Đức	H. Phù Mỹ	X					32,39	65%	9.545	191%
51	Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ						56,98	190%	16.270	203%
52	Mỹ Hòa	H. Phù Mỹ						45,43	151%	10.550	132%
53	Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ						36,80	123%	8.658	108%
54	Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ						25,73	86%	9.262	116%
55	Mỹ Phong	H. Phù Mỹ						35,58	119%	10.272	128%
56	Mỹ Quang	H. Phù Mỹ						20,12	67%	8.401	105%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
57	Mỹ Tài	H. Phù Mỹ						28,12	94%	10.907	136%
58	Mỹ Thắng	H. Phù Mỹ						26,84	89%	13.703	171%
59	Mỹ Thành	H. Phù Mỹ						35,50	118%	13.785	172%
60	Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ						34,37	115%	18.415	230%
61	Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ						52,10	174%	7.903	99%
62	Vĩnh Hảo	H. Vĩnh Thạnh	X		405	13,0%		155,36	311%	3.110	62%
63	Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	X		935	25,6%		83,37	167%	3.653	73%
64	Vĩnh Hòa	H. Vĩnh Thạnh	X		807	35,5%		29,33	59%	2.273	91%
65	Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	X		2.037	92,4%		160,24	320%	2.205	221%
66	Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	X		8	0,2%		24,59	49%	5.000	100%
67	Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	X		3.442	91,4%		168,66	337%	3.766	377%
68	Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	X		701	9,8%		50,54	101%	7.131	143%
69	Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	X		1.675	96,6%		35,43	71%	1.734	173%
70	Bình Hòa	H. Tây Sơn						13,66	46%	9.321	117%
71	Bình Nghi	H. Tây Sơn						49,53	165%	16.244	203%
72	Bình Tân	H. Tây Sơn	X		278	3,6%		109,93	220%	7.731	155%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
73	Bình Thành	H. Tây Sơn						53,12	177%	11.224	140%
74	Bình Thuận	H. Tây Sơn						40,79	136%	8.743	109%
75	Bình Tường	H. Tây Sơn						35.29	118%	11.457	143%
76	Tây An	H. Tây Sơn						10,51	35%	5.937	74%
77	Tây Bình	H. Tây Sơn						7,11	24%	6.171	77%
78	Tây Giang	H. Tây Sơn	X		11	0,1%		73,98	148%	13.868	277%
79	Tây Phú	H. Tây Sơn	X		10	0.1%		60.21	120%	10.179	204%
80	Tây Thuận	H. Tây Sơn	X					77,85	156%	7.871	157%
81	Tây Vinh	H. Tây Sơn						7,08	24%	7.317	91%
82	Tây Xuân	H. Tây Sơn			188	2,7%		36,63	122%	7.040	88%
83	Vĩnh An	H. Tây Sơn	X		1.383	85,8%		104,96	210%	1.612	129%
84	Cát Chánh	H. Phù Cát						11,74	39%	7.717	96%
85	Cát Hải	H. Phù Cát	X					43,96	88%	7.741	155%
86	Cát Hanh	H. Phù Cát						44.80	149%	17.225	215%
87	Cát Hiệp	H. Phù Cát						42,26	141%	8.731	109%
88	Cát Hưng	H. Phù Cát	X					41.11	82%	9.024	180%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
89	Cát Khánh	H. Phù Cát						30,74	102%	17.358	217%
90	Cát Lâm	H. Phù Cát			61	0,7%		68,57	229%	8.480	106%
91	Cát Minh	H. Phù Cát						25,42	85%	16.993	212%
92	Cát Nhơn	H. Phù Cát						38,65	129%	11.464	143%
93	Cát Sơn	H. Phù Cát	X		50	0,9%		113,76	228%	5.711	114%
94	Cát Tài	H. Phù Cát	X					38,82	78%	11.205	224%
95	Cát Tân	H. Phù Cát						27,97	93%	19.195	240%
96	Cát Thắng	H. Phù Cát						8,57	29%	8.991	112%
97	Cát Thành	H. Phù Cát						41,76	139%	10.459	131%
98	Cát Trinh	H. Phù Cát						48,39	161%	17.065	213%
99	Cát Tường	H. Phù Cát						28,95	97%	19.080	239%
100	Phước An	H. Tuy Phước						33,37	111%	22.179	277%
101	Phước Hiệp	H. Tuy Phước						15,96	53%	18.407	230%
102	Phước Hòa	H. Tuy Phước						20,10	67%	18.477	231%
103	Phước Hưng	H. Tuy Phước						10,24	34%	15.024	188%
104	Phước Lộc	H. Tuy Phước						11,85	39%	18.685	234%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
105	Phước Nghĩa	H. Tuy Phước						6,72	22%	5.897	74%
106	Phước Quang	H. Tuy Phước						10,83	36%	15.623	195%
107	Phước Sơn	H. Tuy Phước						26,43	88%	27.876	348%
108	Phước Thắng	H. Tuy Phước						14,13	47%	11.680	146%
109	Phước Thành	H. Tuy Phước	X					35,45	71%	13.519	270%
110	Phước Thuận	H. Tuy Phước						22,57	75%	20.102	251%
111	Canh Hiển	H. Vân Canh	X		8	0,2%		36,67	73%	3.477	70%
112	Canh Hiệp	H. Vân Canh	X		2.161	79,4%		127,51	255%	2.723	182%
113	Canh Hòa	H. Vân Canh	X		2.064	89,5%		48,10	96%	2.305	184%
114	Canh Liên	H. Vân Canh	X		2.755	96,0%		384,17	768%	2.869	287%
115	Canh Thuận	H. Vân Canh	X		3.556	93,0%		83,63	167%	3.824	382%
116	Canh Vinh	H. Vân Canh	X		27	0,3%		99,57	199%	10.154	203%
II	**Các thị trấn**										
1	An Lão	H. An Lão			1.251	26,9%		14,41	103%	4.650	58%
2	Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân						5,14	37%	9.524	119%
3	Phù Mỹ	H. Phù Mỹ						10,75	77%	14.419	180%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
4	Bình Dương	H. Phù Mỹ						4,51	32%	7.604	95%
5	Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	X		734	10,6%		9,40	67%	6.900	173%
6	Phú Phong	H. Tây Sơn						11.54	82%	25.637	320%
7	Ngô Mây	H. Phù Cát						7,60	54%	14.863	186%
8	Cát Tiến	H. Phù Cát						17,64	126%	15.054	188%
9	Tuy Phước	H. Tuy Phước						6,50	46%	16.787	210%
10	Diêu Trì	H. Tuy Phước						5,73	41%	14.805	185%
11	Vân Canh	H. Vân Canh	X		2.986	40,8%		19,49	139%	7.326	183%
III	**Các phường**										
1	Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	X		68	0,4%		50,00	909%	17.454	499%
2	Đống Đa	TP. Quy Nhơn						5,82	106%	36.446	521%
3	Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn			52	0,5%		26,13	475%	10.685	153%
4	Hải Cảng	TP. Quy Nhơn			18	0,1%		10,70	194%	18.179	260%
5	Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn			40	0,2%		0,97	18%	17.605	252%
6	Lê Lợi	TP. Quy Nhơn						0,57	10%	13.733	196%
7	Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn			21	0,2%		0,69	13%	9.251	132%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
8	Ngô Mây	TP. Quy Nhơn			2	0,0%		1,24	22%	22.399	320%
9	Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn			13	0,1%		1,43	26%	17.694	253%
10	Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn			30	0,1%		14,63	266%	24.309	347%
11	Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn						12,81	233%	23.170	331%
12	Quang Trung	TP. Quy Nhơn			61	0,3%		7,56	137%	20.723	296%
13	Thị Nại	TP. Quy Nhơn			41	0,3%		1,90	35%	11.930	170%
14	Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn			105	1,1%		0,47	8%	9.754	139%
15	Trần Phú	TP. Quy Nhơn						0,66	12%	11.141	159%
16	Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn			54	0,3%		10,89	198%	21.435	306%
17	Bồng Sơn	TX. Hoài Nhơn			18	0,1%		17,39	316%	23.406	468%
18	Hoài Đức	TX. Hoài Nhơn			20	0,1%		63,72	1159%	17.899	358%
19	Hoài Hảo	TX. Hoài Nhơn			4	0,0%		37,64	684%	15.102	302%
20	Hoài Hương	TX. Hoài Nhơn			15	0,1%		10,74	195%	20.330	407%
21	Hoài Tân	TX. Hoài Nhơn			10	0,0%		27,59	502%	21.756	435%
22	Hoài Thanh	TX. Hoài Nhơn			14	0,1%		16,56	301%	14.822	296%
23	Hoài Thanh Tây	TX. Hoài Nhơn			20	0,2%		14,54	264%	13.097	262%

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
24	Hoài Xuân	TX. Hoài Nhơn			24	0,2%		10,08	183%	10.945	219%
25	Tam Quan	TX. Hoài Nhơn			37	0,3%		7,22	131%	14.093	282%
26	Tam Quan Bắc	TX. Hoài Nhơn			20	0,1%		7,59	138%	21.605	432%
27	Tam Quan Nam	TX. Hoài Nhơn			13	0,1%		9,22	168%	14.973	299%
28	Bình Định	TX. An Nhơn						6,06	110%	21.138	423%
29	Đập Đá	TX. An Nhơn						5,05	92%	20.623	412%
30	Nhơn Hòa	TX. An Nhơn						28.01	509%	21.093	422%
31	Nhơn Hưng	TX. An Nhơn						8,30	151%	14.628	293%
32	Nhơn Thành	TX. An Nhơn						12,76	232%	16.886	338%

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục 2B

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km^2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Các xã**										
1	Hoài Hải	TX. Hoài Nhơn			4	0,04%		4,70	16%	8.283	104%
II	**Các phường**										
1	Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn						0,97	18%	17.605	252%
2	Lê Lợi	TP. Quy Nhơn						0,57	10%	13.733	196%
3	Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn						0,69	13%	9.251	132%
4	Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn						0,47	8%	9.754	139%
5	Trần Phú	TP. Quy Nhơn						0,66	12%	11.141	159%

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục 3

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ CÁC TIÊU CHUẨN VỀ CƠ CẤU VÀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ ĐỐI VỚI PHƯỜNG HOÀI HƯƠNG VÀ TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ (LOẠI IV) ĐỐI VỚI THỊ XÃ HOÀI NHƠN

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025)

I. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI PHƯỜNG HOÀI HƯƠNG

1. Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của phường Hoài Hương

Số TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách năm 2023	Tỷ đồng	Đủ	Đủ	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023)	%	Đạt bình quân của thị xã (2,1%)	1,61%	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	90	Đạt

Kết quả đánh giá: Đạt 3/3 tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của phường.

2. Tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường Hoài Hương

Số TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Quy định tiêu chuẩn của phường (mức tương ứng đô thị loại IV)	Thực trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	Có 01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt

Số TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Quy định tiêu chuẩn của phường (mức tương ứng đô thị loại IV)	Thực trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	Có 02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	>=1,8	2,87	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	>=1,0	2,08	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người /năm	>= 400	516	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	>=5	34	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	>=90	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	>=2	1,5	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	>=80	100	Đạt
11	Tỷ lệ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Hoài Hải đã đạt chuẩn NTM nâng cao	Đạt

Số TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Quy định tiêu chuẩn của phường (mức tương ứng đô thị loại IV)	Thực trạng	Đánh giá
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	>=2,5	2,8	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	>=80	85%	Đạt

Kết quả đánh giá: Đạt 12/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường.

II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ (LOẠI IV) ĐỐI VỚI THỊ XÃ HOÀI NHƠN

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			**13,5-18**		**16,75**
1	**Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò**	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện	**5**	Là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	**5**
		Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện	**3,75**		

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
2	**Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội**		**9,75-13**		**11,75**
2.1	Cân đối thu, chi ngân sách	Cân đối dư	2	Cân đối đủ	1,5
		Cân đối đủ	1,5		
2.2	Thu nhập bình quân đầu người /tháng so với cả nước (lần)	≥1,05	2	1,18	2
		0,7	1,5		
2.3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2	Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5
		Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5		
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	≥8	2	16,73	2
		7	1,5		
2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước (lần)	≥1,5	2	2,14	2
		1,15	1,5		
2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)	≤4	2	2,01	2
		5	1,5		
2.7	Tỷ lệ tăng dân số hằng năm (%)	≥1,4	1	1	0,75
		1	0,75		
Tiêu chí 2: Quy mô dân số đô thị			**6,0-8,0**		**8**
1	Dân số toàn đô thị (1.000 người)	≥100	2	210	2
		50	1,5		

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
2	Dân số nội thị (1.000 người)	≥50	6	163	6
		20	4,5		
Tiêu chí 3: Mật độ dân số			**6,0-8,0**		**6**
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km^2)	≥1.400	2	500	0
		1.200	1,5		
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị (người/km^2)	≥6.000	6	6.147	6
		4.000	4,5		
Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp			**4,5-6**		**6**
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (%)	≥65	1,5	77,4	1,5
		55	1		
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị (%)	≥80	4,5	81	4,5
		70	3,5		
Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			**45-60**		**52,29**
I	**Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thị**		**36-48**		**41,29**
1	**Về hạ tầng xã hội**		**7,5-10**		**9,61**
1.1	*Các tiêu chuẩn về nhà ở*		*1,5-2,0*		**1,81**

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
1.1.1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m^2 sàn/người)	≥32	1	29	0,81
		28	0,75		
1.1.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố (%)	≥90	1	100	1
		85	0,75		
1.2	***Các tiêu chuẩn về công trình công cộng***		***6,0-8,0***		**7,8**
1.2.1	Đất dân dụng bình quân đầu người (m^2/người)	80	1	116,17	1
		50	0,75		
1.2.2	Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người (m^2/người)	≥4	1	3,18	0,8
		3	0,75		
1.2.3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người (m^2/người)	≥1,5	1	5,82	1
		1	0,75		
1.2.4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân (giường/10.000 dân)	≥30	1	42	1
		25	0,75		
1.2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	≥5	1	9	1
		2	0,75		
1.2.6	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	≥4	1	26	1
		2	0,75		
1.2.7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị (công trình)	≥3	1	3	1
		2	0,75		

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
1.2.8	Công trình thương mại - dịch vụ cấp đô thị (công trình)	≥4	1	6	1
		2	0,75		
2	**Về hạ tầng kỹ thuật**		**10,5-14**		**12,77**
2.1	***Các tiêu chuẩn về giao thông***		***4,5-6***		**5,84**
2.1.1	Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, cảng đường thủy nội địa, bến xe ô tô) (Cấp)	Vùng tỉnh	1	Vùng liên tỉnh	1
		Vùng liên huyện	0,75		
2.1.2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	≥17	1	13,82	0,84
		12	0,75		
2.1.3	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7m) (km/km²)	≥6	2	7,38	2
		5	1,5		
2.1.4	Diện tích đất giao thông/dân số (m²/người)	≥9	1	16,37	1
		7	0,75		
2.1.5	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	≥5	1	15	1
		3	0,75		
2.2	***Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng***		***2,25-3***		**3**
2.2.1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người (kwh/người/năm)	≥1.000	1	1.113	1
		400	0,75		

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
2.2.2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥95	1	100	1
		90	0,75		
2.2.3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẽm được chiếu sáng (%)	≥70	1	95	1
		50	0,75		
2.3	***Các tiêu chuẩn về cấp nước***		***1,5-2,0***		**1**
2.3.1	Mức tiêu thị nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	≥120	1	43,79	0
		100	0,75		
2.3.2	Tỷ lệ số dân đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	≥95	1	100	1
		90	0,75		
2.4	***Các tiêu chuẩn đánh giá về viễn thông, công nghệ thông tin***		***2,25-3,0***		**2,93**
2.4.1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân (Số thuê bao/100 dân)	100	1	100	1
		75	0,75		
2.4.2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	100	1	100	1
		65	0,75		
2.4.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh (%)	60	1	50	0,93
		25	0,75		

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
3	**Về vệ sinh môi trường**		**10,5-14**		**8,71**
3.1	***Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước và chống ngập úng***		***2,25-3***		**3**
3.1.1	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km²)	≥3,5	2	3,5	2
		3	1,5		
3.1.2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục (%)	≥20	1	Đã có giải pháp phòng, chống, khắc phục (80%)	1
		10	0,75		
3.2	***Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải***		***3,75-5***		**2,96**
3.2.1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥30	2	0	0
		15	1,5		
3.2.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥85	1	90	1
		70	0,75		
3.2.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥90	1	88,9	0,96
		80	0,75		
3.2.4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đuọc xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥70	1	82,29	1
		65	0,75		
3.3	***Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ và hỏa táng***		***1,5-2***		**0,75**

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
3.3.1	Nhà tang lễ (cơ sở)	≥2	1	1	0,75
		1	0,75		
3.3.2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	≥10	1	0,06	0
		5	0,75		
3.4	***Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị***		***3,0-4,0***		**2**
3.4.1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m^2/người)	≥8	2	57,82	2
		6	1,5		
3.4.2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người (m^2/người)	≥5	2	2,49	0
		4	1,5		
4	**Về kiến trúc, cảnh quan đô thị**		**9,0-12**		**10,2**
4.1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	100% các phường đã thực hiện tốt quy chế	2	85	1,7
		75% các phường đã thực hiện tốt quy chế	1,5		
4.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	≥40	2	50	2
		30	1,5		
4.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện (khu)	≥2	2	7	2
		1	1,5		

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
4.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	≥4	2	5	2
		2	1,5		
4.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	Có 01 công trình di tích cấp quốc gia đặt biệt	2	Có công trình cấp quốc gia	1,5
		Có 01 công trình di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được công nhận	1,5		
4.6	Công trình xanh (công trình)	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	1	Chưa có công trình	0
		Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0,75		
4.7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao thông minh (khu)	≥2	1	2	1
		1	0,75		
II	**Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thị**		**8,25-11**		**11**
1	**Về hạ tầng xã hội**		**3,0-4**		**4**
1.1	Trường học (%)	50-≥80	0,75-1	92,5	1
1.2	Cơ sở vật chất văn hóa (%)	60-≥80	0,75-1	100,0	1
1.3	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (%)	60-≥80	0,75-1	100,0	1
1.4	Nhà ở dân cư (%)	90-≥100	0,75-1	100,0	1

Số TT	Tiêu chí/tiêu chuẩn	Mức quy định theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)		Đánh giá tiêu chí/tiêu chuẩn	
		Yêu cầu đối với đô thị loại IV	Điểm tối thiểu-tối đa	Hiện trạng	Điểm
2	**Về hạ tầng kỹ thuật**		**3,0-4**		**4**
2.1	Giao thông (%)	50-≥70	1,5-2	99,5	2
2.2	Điện (%)	70-≥80	0,75-1	100,0	1
2.3	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)	50-≥70	0,75-1	100,0	1
3	**Về vệ sinh môi trường**		**1,5-2**		**2**
	Cảnh quang, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (%)	70-≥80	1,5-2	90,0	2
4	**Về kiến trúc, cảnh quan**		**0,75-1**		**1**
	Quỹ đất nông nghiệp vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ (%)	60-≥70	0,75-1	80,0	1
	Tổng cộng:		**75-100**		**89,04**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục 4

DANH SÁCH VÀ DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025)

I. THÀNH PHỐ QUY NHƠN

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
A	**PHƯỜNG TRẦN PHÚ (mới): Sắp xếp từ 03 phường: Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt, Trần Phú**						
A.1	**UBND phường Lý Thường Kiệt**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**6**					
1	Trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt (88 Phạm Hùng)	1	800,0	755,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã, trụ sở làm việc của UBND phường Trần Phú (mới) dự kiến bố trí tại Trụ sở UBND phường Trần Phú. Tuy nhiên, qua rà soát, trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt có vị trí trung tâm, không gian thông thoáng, giao thông thuận tiện, quản lý an ninh, trật tự được thuận lợi nên tỉnh sẽ giữ lại Trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt để bố trí làm trụ sở của UBND phường Trần Phú (mới). Mặt khác, dự kiến sau sắp xếp, Trụ sở Công an phường Lý Thường Kiệt dôi dư (tài sản của cơ quan trung ương quản lý, diện tích đất 324m2, diện tích nhà 801m2), hiện nay có vị trí liền kề với trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt nên tỉnh sẽ đề nghị tiếp nhận Trụ sở Công an phường Lý Thường Kiệt để mở rộng diện tích trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
2	Trạm Y tế phường (61 Trần Phú)	1	144,0	244,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, phường mới có địa bàn rộng, dân cư tăng lên, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết
3	Trụ sở khu phố 2 (48 Nguyễn Tư)	1	80,0	160,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố
4	Trụ sở khu phố 3 (76 Tôn Đức Thắng)	1	80,0	128,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố, trung tâm văn hóa
5	Trụ sở khu phố 4 (35 Trần Phú)	1	70,0	70,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trung Tâm Văn hóa - Thể thao phường (256 Tăng Bạt Hổ)	1	408,0	616,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô tải - KIA FRONTIER - BKS 77A - 00690	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại cho UBND phường Trần Phú (mới) quản lý, sử dụng
III	**Tài sản công khác**	**397**					
1	Máy vi tính để bàn	24			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc, trừ những tài sản hư hỏng, không thể sửa chữa thì thực hiện thanh lý theo quy định
2	Máy photocopy	1			Hư hỏng	Thanh lý	
3	Bàn gỗ họp hội trường lớn + TTVH	27			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
4	Ghế gỗ họp hội trường lớn + TTVH	192			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Ghế inox họp hội trường lớn	72			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Bộ thiết bị họp trực tuyến	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Bục Bác Hồ	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Bục phát biểu sân khấu bằng gỗ KT	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Cặp Loa	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Bảng Led thông tin điện tử	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Tủ đựng hồ sơ	21			3 tủ hư hỏng	Thanh lý (3)	
12	Bàn làm việc	33			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
13	Máy in	17			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Máy scan	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
15	Thiết bị PCCC	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Máy hủy tài liệu	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
A.2	**UBND phường Lê Hồng Phong**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**9**					
1	UBND phường Lê Hồng Phong (197 Lê Hồng Phong)	1	290,5	1.012,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, trụ sở UBND phường Trần Phú (mới) đặt tại trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt, tỉnh giữ lại trụ sở UBND phường Lê Hồng Phong để bố trí làm Nhà mẫu giáo kết hợp Khu sinh hoạt Nhân dân Khu phố 5 phường Lý Thường Kiệt, lý do: địa bàn có mức độ đô thị hóa nhanh, quy mô dân số dự kiến tăng nhanh. cần thiết phải mở rộng các điểm trường mẫu giáo, mặt khác khu phố chưa có nhà sinh hoạt Nhân dân; đông dân cư, đảng viên nhiều cần có khu sinh hoạt rộng rãi
2	Trạm y tế phường Lê Hồng Phong (78 Trần Phú)	1	142,4	204,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, phường mới có địa bàn rộng, dân cư đông, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết
3	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 9 (11A Nguyễn Công Trứ)	1	182,4	327,7	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố kết hợp giáo dục
4	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 3 (297 Lê Hồng Phong)	1	82,8	135,6	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 4 (Tổ 24 khu phố 4 Lê Hồng Phong)	1	123.2	123,2	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố kết hợp giáo dục

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
6	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 5 (khu phố 5 Lê Hồng Phong)	1	78,3	78,3	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phốc 6 (Tổ 42 khu phố 6 Lê Hồng Phong)	1	182,4	324,7	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 7 (Tổ 48 khu phố 7 Lê Hồng Phong)	1	89,9	89,9	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 8 (132 Nguyễn Thái Học)	1	75,2	75,2	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô tải làm TTĐT nhãn hiệu DongBen 77A-00051	1			Sử dụng bình thường	Điều chuyển	Qua rà soát xe sản xuất và sử dụng từ năm 2013, đã sử dụng 13.940 km, chưa đủ điều kiện thanh lý, tỉnh giữ lại để thực hiện thủ tục điều chuyển xe ô tô từ UBND phường Trần Phú (mới) sang cho Đội trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn (đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn, đang thiếu xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức)
III	**Tài sản công khác**	**160**					
1	Máy vi tính để bàn	17			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc, trừ những tài sản hư hỏng, không thể sửa chữa thì thực hiện thanh lý theo quy định
2	Máy vi tính xách tay	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Máy photocopy	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
4	Máy scan	4			Hư hỏng	Thanh lý (2)	
5	Ti vi	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Bộ bàn họp hội trường	15			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Ghế tựa họp hội trường	75			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Bàn gỗ làm việc ván ép	8			Hư hỏng	Thanh lý	
9	Bộ thiết bị họp trực tuyến	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Bục Bác Hồ	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Bục phát biểu sân khấu bằng gỗ KT	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
12	Cặp Loa	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Bảng Led	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Máy lạnh Hội trường và bộ phận 1 cửa	5			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
15	Tủ sắt dựng tài liệu	10			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Ghế gỗ làm việc	15			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Bàn sắt làm việc	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
A.3	**UBND phường Trần Phú**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**11**					
1	Trụ sở UBND phường Trần Phú (219 Nguyễn Huệ)	1	1.043,7	750,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 1 phường, trụ sở UBND phường Trần Phú (mới) đặt tại trụ sở UBND phường Lý Thường Kiệt, tỉnh giữ lại trụ sở UBND phường Trần Phú để bố trí làm Trường (điểm trường) Mẫu giáo 8/3 và Khu sinh hoạt Nhân dân Khu phố 3, lý do các điểm trường Mẫu giáo 8/3 hiện nay phần lớn được cải tạo từ nhà ở, thiếu sân chơi, không đạt tiêu chuẩn trường mẫu giáo; phường Trần Phú chưa có Khu sinh hoạt Nhân dân Khu phố 3
2	Trạm y tế phường Trần Phú (124 Nguyễn Huệ)	1	140,9	280,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, phường mới có địa bàn rộng, dân cư đông, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết
3	Trụ sở sinh hoạt khu phố 1 (130 Xuân Diệu)	1	40,0	80,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố kết hợp giáo dục

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
4	Trụ sở sinh hoạt khu phố 2 (262 Xuân Diệu)	1	59,0	118,0	Dôi dư, không sử dụng	Bán	Hiện nay cơ sở nhà, đất dôi dư, không sử dụng vào mục đích làm trụ sở khu phố, tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
5	Trụ sở sinh hoạt khu vực 2 (117/7 Nguyễn Huệ)	1	52,1	52,1	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố
6	Trụ sở sinh hoạt khu phố 3 (Hẻm 219/2 Nguyễn Huệ)	1	60,3	60,3	Sử dụng bình thường	Bán	Diện tích nhỏ, trong hẻm không thuận lợi làm Trụ sở sinh hoạt khu phố, tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
7	Trụ sở sinh hoạt khu phố 3 (380 Xuân Diệu)	1	39,7	79,3	Dôi dư, không sử dụng	Bán	Hiện nay địa phương không dùng làm Trụ sở sinh hoạt khu phố, tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
8	Trụ sở sinh hoạt khu phố 4 (37 Nguyễn Lạc)	1	114,0	140,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố
9	Trụ sở sinh hoạt khu phố 5 (110/25 Nguyễn Huệ)	1	58,9	117,7	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trụ sở sinh hoạt khu phố 6 (31/2 Nguyễn Trãi)	1	57,5	115,0	Dôi dư, không sử dụng	Bán	Cơ sở nhà, đất hiện đang dôi dư, tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
11	Trụ sở sinh hoạt khu phố 6 (01 Bà Triệu)	1	80,0	160,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô tải - DongBen - BKS 77A-002.84	1			Sử dụng bình thường	Điều chuyển	Sản xuất và đưa vào sử dụng từ năm 2013, đã sử dụng 12.690 km, chưa đủ điều kiện thanh lý, tỉnh giữ lại để thực hiện thủ tục điều chuyển xe ô tô từ UBND phường Trần Phú (mới) sang cho Đội trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn (đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn. đang thiếu xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức)

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
III	**Tài sản công khác**	**429**					
1	Máy vi tính để bàn	19			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
2	Máy vi tính xách tay	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Máy photocopy	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
4	Nhà để xe	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Ti vi	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Tủ đựng hồ sơ	32			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Tủ công cụ hỗ trợ (Quân sự)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Tủ đựng súng (quân sự)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Bàn dài để phòng họp	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Bàn gỗ họp	29			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
11	Bàn làm việc	44			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Bàn tiếp khách	5			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Bộ ghế tiếp khách	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Ghế gỗ	285			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Ghế dài tiếp công dân	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Bộ thiết bị họp trực tuyến	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Bục Bác Hồ	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Bục phát biểu sân khấu bằng gỗ KT	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
B	**PHƯỜNG THỊ NẠI (mới): Sắp xếp từ 03 phường: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Thị Nại**						
B.1	**UBND phường Lê Lợi**						
1	**Cơ sở nhà, đất**	**12**					
1	UBND phường Lê Lợi (Số 10 Hai Bà Trưng)	1	1.514,8	1.514,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Bố trí làm Trụ sở làm việc của UBND phường Thị Nại (mới) theo như Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
2	Trạm y tế phường (93 Tăng Bạt Hổ)	1	86,0	172,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, phường mới có địa bàn rộng, dân cư đông, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết
3	Lớp học tình thương khu phố 6 (61/2 Phan Bội Châu, Tổ 24, khu phố 6, phường Lê Lợi)	1	66,6	66,6	Sử dụng làm nhà kho	Bán	Hiện nay phường không sử dụng cơ sở nhà, đất vào mục đích làm lớp học tình thương mà sử dụng làm nhà kho, tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
4	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp lớp mẫu giáo khu vực 1, 10 (135 Trần Cao Vân)	1	69,4	138,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố kết hợp giáo dục
5	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp Nhà mẫu giáo khu vực 3 (96 Lý Tự Trọng)	1	130,9	262,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà mẫu giáo khu sinh hoạt Nhân dân khu vực 4 (22 Lê Lợi)	1	52,7	52,7	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trụ sở kết hợp lớp mẫu giáo khu vực 5 (66 Lê Lợi)	1	48,1	96,2	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu vực 6 (61 Phan Bội Châu)	1	50,8	101,6	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà sinh hoạt Nhân dân kết hợp Nhà mẫu giáo khu vực 7 (13 Phan Bội Châu)	1	83,0	171,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Lớp mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt Nhân dân khu phố 8 (2/37 Trần Bình Trọng)	1	76,4	152,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
11	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu vực 2 (số 30 đường Trần Cao Vân)	1	13,4	13,4	Dôi dư, không sử dụng	Bán	02 cơ sở nhà, đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng nên tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
12	Ban bảo vệ dân phố phường (45 Phan Bội Châu)	1	29,0	29,0	Dôi dư, không sử dụng	Bán	
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô tải -VINAXUKI - BKS 77A - 000.71	1			Hư hỏng	Thanh lý	Sản xuất năm 2009, sử dụng từ năm 2010, đủ điều kiện thanh lý vào năm 2025
III	**Tài sản công khác**	**331**					
1	Máy vi tính để bàn	19			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
2	Máy vi tính xách tay	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Máy photocopy	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Ti vi	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Bộ bàn ghế họp gỗ nhỏ	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
6	Bàn gỗ KT	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Bộ thiết bị họp trực tuyến	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Bục Bác Hồ	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Bục phát biểu sân khấu bằng gỗ KT	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Cặp Loa	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Bảng Led	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Máy lạnh	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Mixer và main	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Tủ đựng hồ sơ	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Bộ bàn ghế làm việc	4			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
16	Ghế hội trường; phòng họp	122			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
17	Ghế nhựa xanh	97			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Bàn làm việc	9			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Bàn hội trường	50			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Máy in	10			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Máy scan	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
B.2	**UBND phường Trần Hưng Đạo**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**8**					
1	Trụ sở UBND phường Trần Hưng Đạo (số 281 đường Trần Hưng Đạo)	1	1.014,2	1.290,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, trụ sở UBND phường Thị Nại (mới) đặt tại trụ sở UBND phường Lê Lợi, tỉnh giữ lại trụ sở UBND phường Trần Hưng Đạo để làm điểm trường Mẫu giáo Hoa Hồng và Khu sinh hoạt Nhân dân Khu phố 7 phường Trần Hưng Đạo cũ; lý do các điểm trường Mẫu giáo Hoa Hồng phần lớn được cải tạo từ nhà ở, thiếu sân chơi, không đạt tiêu chuẩn trường mẫu giáo; phường Trần Hưng Đạo chưa có Khu sinh hoạt Nhân dân Khu phố 7

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
2	Trạm y tế phường (số 153 Trần Cao Vân)	1	311,0	558,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, phường mới có địa bàn rộng, dân cư đông, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết
3	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố 1 (560 Trần Hưng Đạo)	1	468,5	270,9	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố
4	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố 2 (375/1 Bạch Đằng)	1	249,3	108,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố 3 (161 Bùi Xuân Phái)	1	108,0	108,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố 4 (Hẻm 127 Bùi Xuân Phái)	1	215,1	215,1	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố
7	Nhà sinh hoạt Nhân dân khu phố 5 (63 Bùi Xuân Phái)	1	107,0	107,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trụ sở Ban Bảo vệ dân phố (số 197 Trần Cao Vân)	1	23,7	23,7	Dôi dư, không sử dụng	Bán	Cơ sở nhà, đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng, tỉnh sẽ bán đấu giá để tạo nguồn thu cho NSNN
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô tải DONGBEN	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để bố trí cho UBND phường Thị Nại (mới) quản lý, sử dụng
III	**Tài sản công khác**	**449**					
1	Máy vi tính để bàn	26			Hư hỏng 3 máy tính	Thanh lý (3)	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc, trừ những tài sản hư hỏng, không thể sửa chữa thì thực hiện thanh lý theo quy định
2	Máy in	20			Hư hỏng 1 máy tính	Thanh lý (1)	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
3	Máy photocopy Bizhub 211 MB501	1			Hư hỏng	Thanh lý	
4	Máy photo copy KYOCER TK7120	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Máy photo copy CANON IR26251	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Máy Scaner HP C3110	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Máy Scaner Epson Pefection V370	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Máy Scan HP JetPro 2500F1	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Máy hủy tài liệu Bingo C30	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Bàn họp hội trường dài	20			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Bàn họp hội trường lớn	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Đầu ghi và cổng camera	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc, trừ những tài sản hư hỏng, không thể sửa chữa thì thực hiện thanh lý theo quy định
13	Màn hình tivi led	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
14	Loa, micrô hội trường	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Khẩu hiệu mica 2 mặt	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Tủ đựng súng quân sự	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Tủ đựng quân trang quân sự	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Kệ sắt 4m đựng tài liệu	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Kệ sắt 2m đựng tài liệu + 1 kệ sắt QS	4			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Tủ mạng	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Thiết bị truyền dẫn họp trực tuyến (1 bộ)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Tủ sắt đựng hồ sơ	25			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23	Bàn gỗ làm việc	13			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Bàn vi tính	13			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
25	Bàn sắt chống rỉ	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
26	Ghế dựa gỗ hương	220			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Bục gỗ (2 bục ảnh bác và 1 bục nói)	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Rèm cửa vải	10			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Rèm cửa cuốn	15			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
30	Quạt trần	16			Sử dụng bình thường	Thanh lý (4)	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc, trừ những tài sản hư hỏng, không thể sửa chữa thì thực hiện thanh lý theo quy định
31	Quạt senko treo tường	35			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
32	Bộ bàn ghế tiếp khách	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
33	Tủ sắt cũ	4			Hư hỏng	Thanh lý	
34	Bàn sắt cũ	1			Hư hỏng	Thanh lý	
B.3	**UBND phường Thị Nại**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**9**					

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
1	Trụ sở UBND Phường Thị Nại (85 Đống Đa)	1	850,0	1.540,0	Sử dụng bình thường	Điều chuyển	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, trụ sở UBND phường Thị Nại (mới) đặt tại trụ sở UBND phường Lê Lợi, tỉnh giữ lại trụ sở UBND phường Thị Nại để thực hiện việc điều chuyển xe ô tô từ UBND phường Thị Nại (mới) cho Đội Trật tự Đô thị thành phố Quy Nhơn để bố trí trụ sở làm việc. (lý do: Đội Trật tự Đô thị thành phố Quy Nhơn là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn, Đội có số lượng viên chức 74 người, số lượng phương tiện làm việc nhiều, quá trình làm công tác trật tự đô thị có tạm giữ nhiều tang vật vi phạm hành chính, địa điểm làm việc hiện tại ở số 1057 Trần Hưng Đạo có diện tích nhỏ (diện tích đất là 112m^2) không đủ chỗ. Nếu được bố trí trụ sở mới, tỉnh sẽ xử lý trụ sở cũ của Đội theo hình thức giao, điều chuyển cho đơn vị có nhu cầu sử dụng hoặc bán đấu giá để tạo nguồn thu NSNN
2	Trạm y tế phường (154 Đống Đa)	1	175,3	328,4	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sau sắp xếp 03 phường thành 01 phường, phường mới có địa bàn rộng, dân cư đông, việc giữ nguyên vị trí trạm y tế phường cũ để ổn định việc thăm khám chữa bệnh, tiêm phòng, sơ cấp cứu cho người dân là cần thiết
3	Trụ sở UBND phường Thị Nại cũ (129 Đống Đa)	1	422,5	238,0	Sử dụng bình thường	Điều chuyển	Tỉnh đã thống nhất chủ trương điều chuyển cơ sở nhà, đất cho Công an phường Thị Nại để bố trí trụ sở làm việc tại Công văn số 5117/UBND-KT ngày 05/9/2022, tuy nhiên đến nay Công an tỉnh vẫn chưa hoàn thiện các thủ tục về việc điều chuyển, chuyển giao trụ sở theo quy định
4	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND Khu phố 1 cũ (Hẻm 582/11 Trần Hưng Đạo)	1	87,9	69,1	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm trụ sở khu phố kết hợp giáo dục

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
5	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND Khu phố 6 (148 Đống Đa)	1	111,5	92,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà mẫu giáo khu phố 2 mới (đường Ngọc Hồi)	1	285,0	244,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND Khu phố 3 (225 Đống Đa)	1	117,0	85,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND Khu phố 4 (562 Bạch Đằng)	1	89,7	160,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà mẫu giáo kết hợp khu SHND Khu phố 5 (Tổ 26, KP 4, hẻm Hoàng Quốc Việt)	1	155,9	82,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô làm trật tự đô thị	1			Sử dụng bình thường	Điều chuyển	tỉnh sẽ thực hiện thủ tục điều chuyển xe ô tô từ UBND phường Thị Nại (mới) sang cho Đội trật tự đô thị thành phố Quy Nhơn (đang thiếu xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức)
III	**Tài sản công khác**	**276**					
1	Máy tính để bàn	14			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
2	Máy in	9			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Máy Photocopy Toshiba E270	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
4	Máy Scaner HP2600F1	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Máy Scaner Epson Pefection V370	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Máy Scan HP JetPro 2500F1	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
7	Bàn họp hội trường lớn	150			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Ghế họp phòng họp	30			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Bộ bàn ghế làm việc	40			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Thiết bị PCCC	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Màn hình tivi led	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Bộ loa âm thanh đài truyền thanh phường	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Micro	4			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Tủ đựng hồ sơ	21			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

II. THỊ XÃ HOÀI NHƠN

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
	PHƯỜNG HOÀI HƯƠNG (mới): Sắp xếp từ xã Hoài Hải và phường Hoài Hương						
A.1	**UBND phường Hoài Hương**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**12**					
1	Trụ sở UBND phường Hoài Hương	1	6.183,5	858,8	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã, trụ sở làm việc UBND phường Hoài Hương (mới) đặt tại Trụ sở UBND phường Hoài Hương
2	Nhà văn hóa khu phố Nhuận An	1	2.761,0	152,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm Nhà văn hóa khu phố
3	Nhà văn hóa khu phố Thiện Đức	1	3.372,7	149,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà văn hóa khu phố Phú An	1	1.075,7	125,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà văn hóa khu phố Ca Công	1	768,3	187,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà văn hóa khu phố Thạnh Xuân	1	441,2	238,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà văn hóa khu phố Thiện Đức Bắc	1	1.324,2	110,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà văn hóa khu phố Thạnh Xuân Đông	1	425,8	140,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
9	Nhà văn hóa khu phố Thạnh Xuân Bắc	1	186,0	115,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà văn hóa khu phố Nhuận An Đông	1	884,7	135,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích Nhà nước giao là làm Nhà văn hóa khu phố
11	Nhà văn hóa khu phố Thiện Đức Đông	1	1.409,1	155,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà văn hóa khu phố Ca Công Nam	1	253,7	121,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**1**					
1	Xe ô tô tải chuyên dùng	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Việc giữ lại sử dụng 01 xe ô tô chuyên dùng phục vụ giữ trật tự, cảnh quan đô thị cho UBND phường Hoài Hương (mới) là phù hợp tiêu chuẩn, định mức theo quy định
III	**Tài sản công khác**	**245**					
1	Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	23			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
2	Máy tính xách tay	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Máy Photocoppy 810	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Máy in	27			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
5	Máy Scan	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Hệ thống Đài truyền thanh xã	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Hệ thống thiết bị hội nghị trực tuyến	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Máy nổ phát điện	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Dàn âm thanh Hội trường lớn	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
10	Bảng đèn Led tại Trụ sở làm việc	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Bộ Camera An ninh (Công an)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Camera bộ phận một cửa	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Bộ bàn Phòng họp gác 2 UBND phường	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Bàn Hội trường Trung tâm học tập cộng đồng phường	12			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
15	Ghế dựa gỗ nhóm 3	100			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Bộ bàn làm việc	38			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Tủ đựng tài liệu	31			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
A.2	**UBND xã Hoài Hải**						
I	**Cơ sở nhà, đất**	**11**					
1	Trụ sở UBND xã Hoài Hải	1	3.705	700	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại Trụ sở UBND xã Hoài Hải để bố trí làm Nhà văn hóa thôn Kim Giao Nam thuộc xã Hoài Hải, do hiện nay Nhà văn hóa thôn Kim Giao Nam diện tích nhỏ. không đảm bảo sinh hoạt, mặt khác dự kiến vị trí hiện nay của Nhà Văn hóa thôn Kim Giao Nam thuộc quy hoạch mở rộng đường, vỉa hè
2	Nhà văn hóa thể thao xã Hoài Hải	1	3.916	530,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích là làm Nhà văn hóa thể thao xã, Nhà văn hóa thôn
3	Nhà văn hóa thôn Kim Giao Bắc	1	97,40	97,4	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn Kim Giao Trung	1	75,90	75,9	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Kim Giao Thiện	1	359,30	121,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
6	Nhà văn hóa thôn Kim Giao Nam	1	364,80	105,0	Sử dụng bình thường	Chuyển giao về UBND thị xã Hoài Nhơn quản lý, xử lý	Chuyển giao về UBND thị xã Hoài Nhơn quản lý, xử lý để thực hiện việc mở rộng đường, vỉa hè theo quy hoạch của địa phương
7	Nhà văn hóa thôn Diêu Quang	1	565,50	120,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng đúng mục đích là làm Nhà văn hóa thôn, khu vui chơi trẻ em, nơi sinh hoạt người cao tuổi
8	Khu vui chơi cho trẻ em (tiếp nhận từ điểm trường tiểu học thôn Diêu Quang)	1	2.000,0	-	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Kim Giao Thiện	1	675,0	100,4	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Diêu Quang	1	489,0	64,0	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Địa điểm sinh hoạt cho người cao tuổi của thôn Kim Giao Nam	1	109,8	-	Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**Xe ô tô, phương tiện vận tải**	**0**					
III	**Tài sản công khác**	**438**					
1	Máy in đa năng Canon MF 24ID	**2**			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
2	Máy photocopy Toshiba e-Studio 857 (đảo 2 mặt)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
3	Máy tính xách tay Acer AS3A315-58-58ES	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
4	Máy vi tính 2013 CMS X-Media Core i5-12400	2			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Hệ thống an toàn đảm bảo thông tin mạng	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Đầu tư mới hệ thống truyền thanh xã dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông trên địa bàn xã	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Máy vi tính để bàn FPT ELEAD T12400i core i5	16			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Máy tính xách tay Asus B1400C i5	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Mái in HP (Pro M420d)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Máy in Canon 2900	8			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Máy in Canon LBP 6230dn	4			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Máy tính xách tay HP i5	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
13	Máy Scan 2 mặt HP	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Máy vi tính FPT (đã hết giá trị sử dụng)	10			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Giá để tài liệu bằng nhôm	4			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Bộ bàn ghế gỗ vi tính làm việc	4			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Bàn gỗ làm việc, tiếp khách	29			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Thiết bị luu điện	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Máy điều hòa treo tường	5			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giữ lại để tiếp tục sử dụng làm việc
20	Máy điều hòa đứng (Panasonic)	3			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Bàn gỗ làm việc	5			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Màn hình đèn led và máy vi tính xách tay HP -PV hội nghị	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số TT	Danh sách trụ sở, tài sản công phải xử lý khi sắp xếp ĐVHC cấp xã	Số lượng	Diện tích (m^2)		Hiện trạng tài sản	Dự kiến PA xử lý	Cơ sở đề xuất phương án
			Đất	Nhà			
23	Âm ly hội trường	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Màn hình ti vi (kết nối Camera)	1			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Bàn họp hội trường	38			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
26	Ghế gỗ	275			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Tủ để sách	5			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Tủ gỗ để tài liệu	12			Sử dụng bình thường	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Số: 01/ĐA-UBND
Thời gian ký: 01/06/2024 10:01:00 +07:00

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

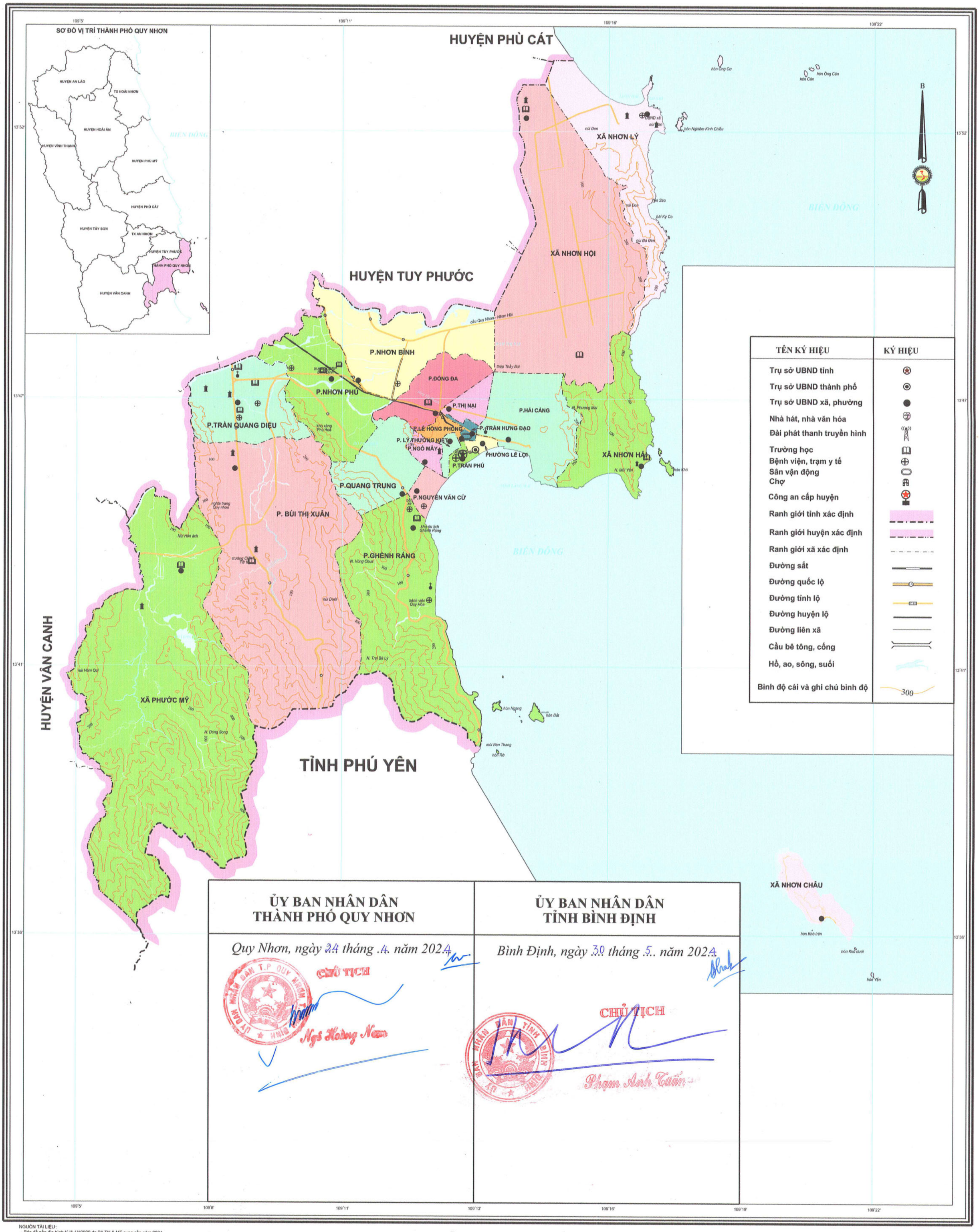

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU
Trụ sở UBND tỉnh	
Trụ sở UBND thành phố	
Trụ sở UBND xã, phường	
Nhà hát, nhà văn hóa	
Đài phát thanh truyền hình	
Trường học	
Bệnh viện, trạm y tế	
Sân vận động	
Chợ	
Công an cấp huyện	
Ranh giới tỉnh xác định	
Ranh giới huyện xác định	
Ranh giới xã xác định	
Đường sắt	
Đường quốc lộ	
Đường tỉnh lộ	
Đường huyện lộ	
Đường liên xã	
Cầu bê tông, cống	
Hồ, ao, sông, suối	
Bình độ cái và ghi chú bình độ	300

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Quy Nhơn, ngày 24 tháng 4 năm 2024 CHỦ TỊCH Ngô Hoàng Nam	*Bình Định, ngày 30 tháng 5 năm 2024* CHỦ TỊCH Phạm Anh Tuấn

NGUỒN TÀI LIỆU :
- Bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/10000 do Bộ TN & MT cung cấp năm 2004.
- Bản đồ HTSDĐ cấp xã năm 2019.
- Hồ sơ địa giới hành chính 364/CT.

TỶ LỆ 1 : 100 000

Bản đồ được thành lập bằng phương pháp số hóa.
Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 108 15'.

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025
CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

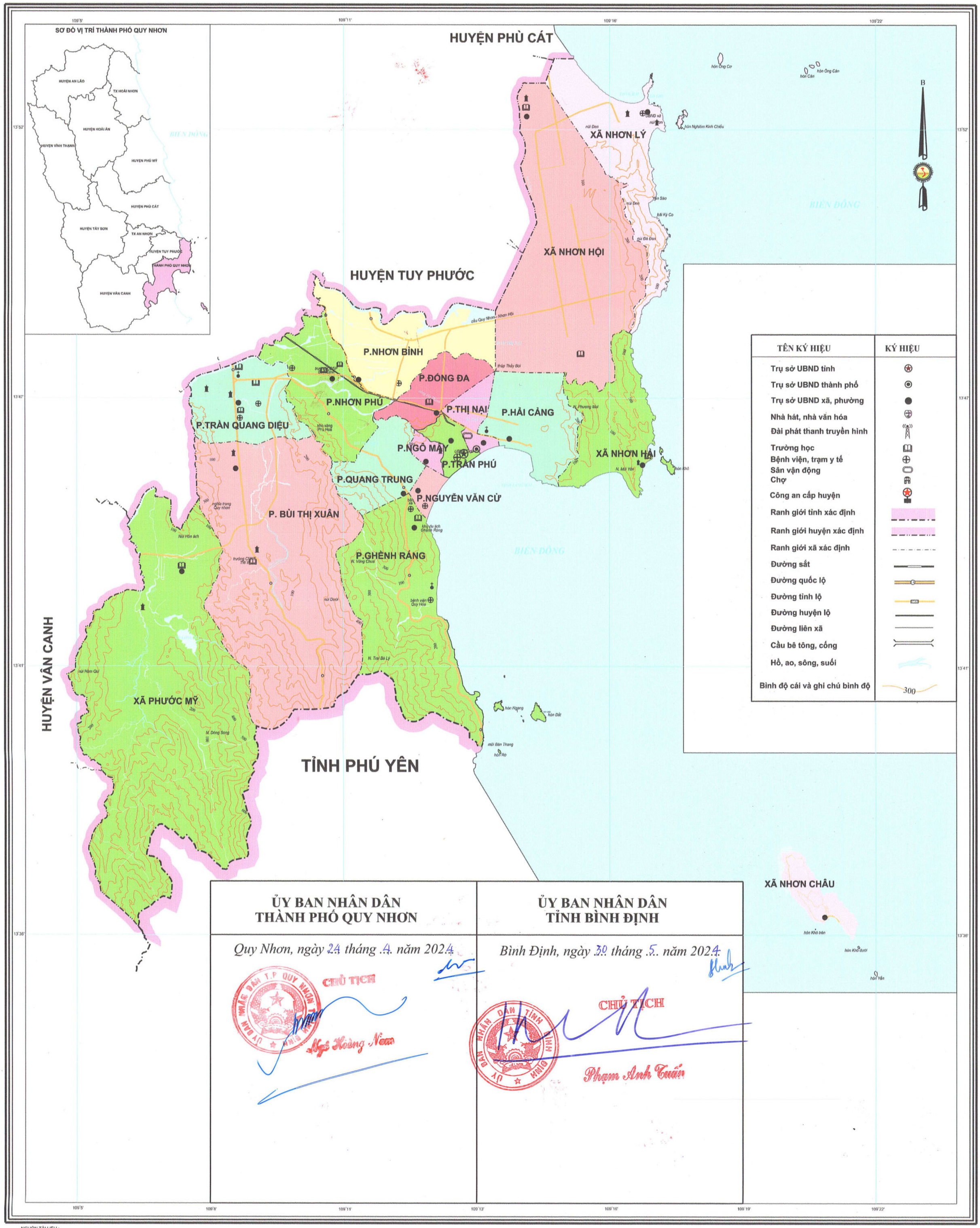

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Quy Nhơn, ngày 24 tháng 4 năm 2024 CHỦ TỊCH Ngô Hoàng Nam	*Bình Định, ngày 30 tháng 5 năm 2024* CHỦ TỊCH Phạm Anh Tuấn

NGUỒN TÀI LIỆU :
- Bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/10000 do Bộ TN & MT cung cấp năm 2004.
- Bản đồ HTSDĐ cấp xã năm 2019.
- Hồ sơ địa giới hành chính 364/CT.

TỶ LỆ 1 : 100 000

Bản đồ được thành lập bằng phương pháp số hóa.
Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 108 15'.

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA THỊ XÃ HOÀI NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

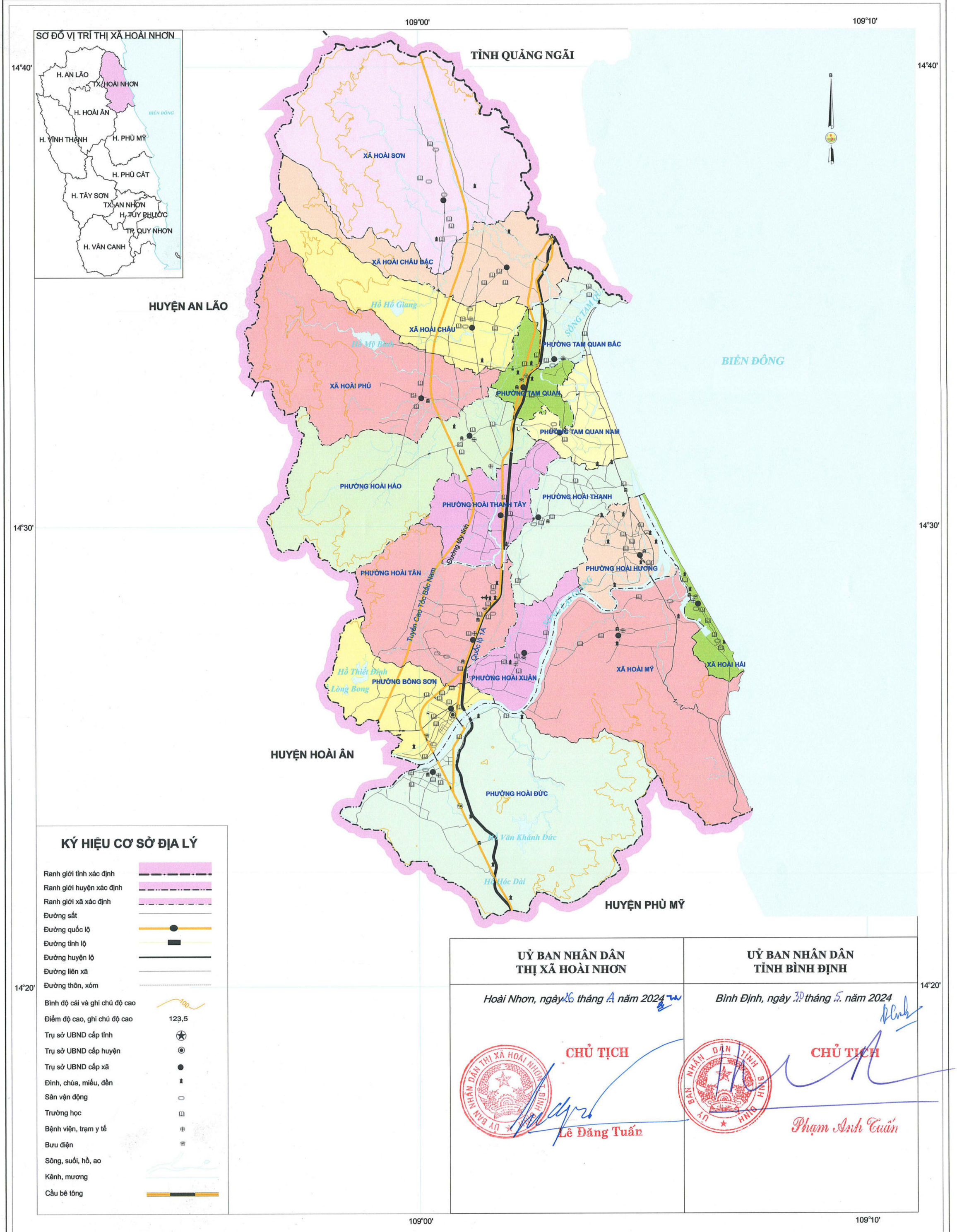

KÝ HIỆU CƠ SỞ ĐỊA LÝ

- Ranh giới tỉnh xác định
- Ranh giới huyện xác định
- Ranh giới xã xác định
- Đường sắt
- Đường quốc lộ
- Đường tỉnh lộ
- Đường huyện lộ
- Đường liên xã
- Đường thôn, xóm
- Bình độ cái và ghi chú độ cao (100)
- Điểm độ cao, ghi chú độ cao (123,5)
- Trụ sở UBND cấp tỉnh
- Trụ sở UBND cấp huyện
- Trụ sở UBND cấp xã
- Đình, chùa, miếu, đền
- Sân vận động
- Trường học
- Bệnh viện, trạm y tế
- Bưu điện
- Sông, suối, hồ, ao
- Kênh, mương
- Cầu bê tông

UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN	UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Hoài Nhơn, ngày 26 tháng 4 năm 2024	*Bình Định, ngày 30 tháng 5 năm 2024*
CHỦ TỊCH	CHỦ TỊCH
Lê Đăng Tuấn	Phạm Anh Tuấn

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/10000 do Bộ TN & MT cung cấp năm 2004.
- Bản đồ HTSDĐ cấp huyện năm 2020.
- Hồ sơ địa giới hành chính 364/CT.

TỶ LỆ 1:100 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
CÔNG TY CP TNMT PHƯỚC THỊNH

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025 CỦA THỊ XÃ HOÀI NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

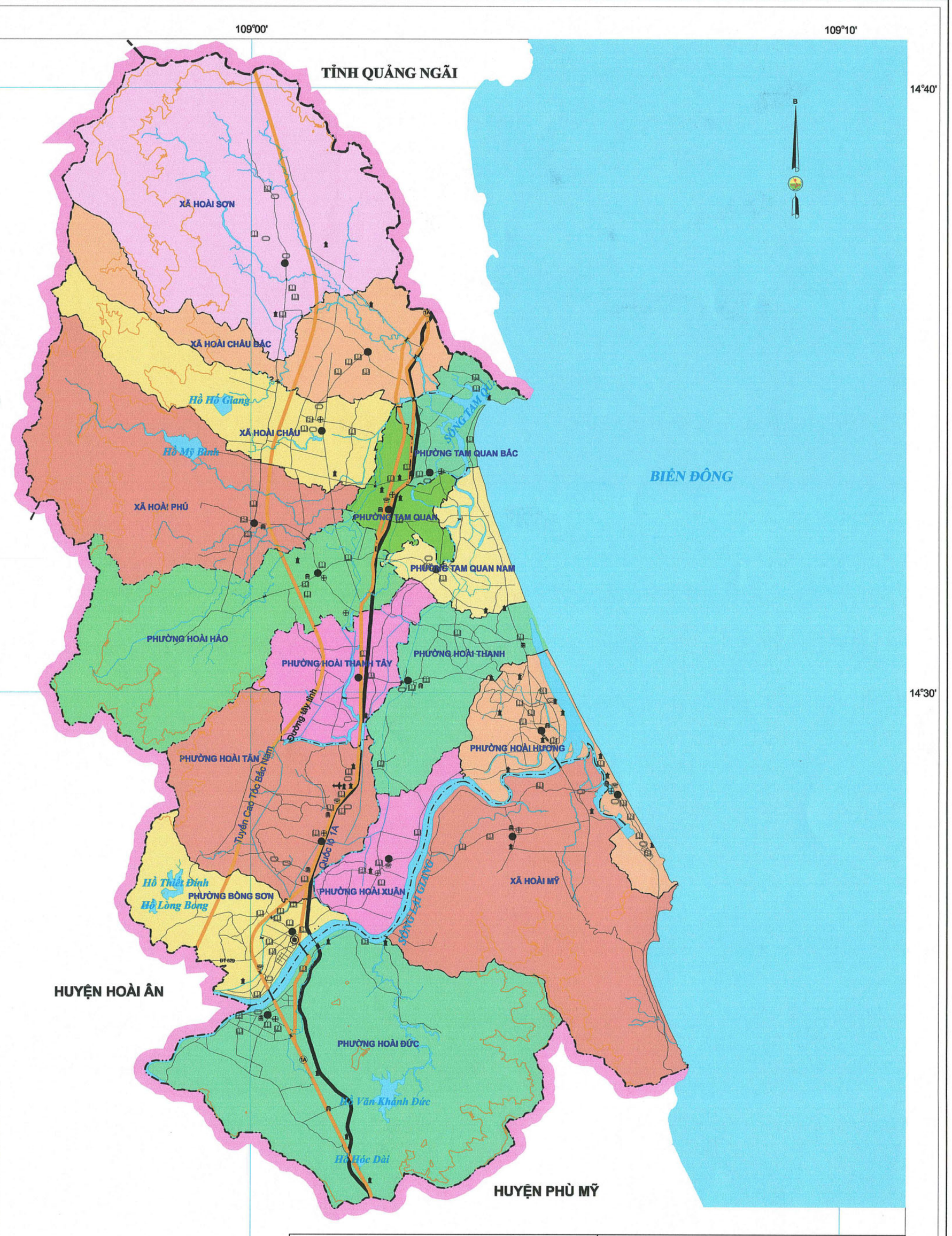

KÝ HIỆU CƠ SỞ ĐỊA LÝ

Ranh giới tỉnh xác định	
Ranh giới huyện xác định	
Ranh giới xã xác định	
Đường sắt	
Đường quốc lộ	
Đường tỉnh lộ	
Đường huyện lộ	
Đường liên xã	
Đường thôn, xóm	
Bình độ cái và ghi chú độ cao	100
Điểm độ cao, ghi chú độ cao	123,5
Trụ sở UBND cấp tỉnh	
Trụ sở UBND cấp huyện	
Trụ sở UBND cấp xã	
Đình, chùa, miếu, đền	
Sân vận động	
Trường học	
Bệnh viện, trạm y tế	
Bưu điện	
Sông, suối, hồ, ao	
Kênh, mương	
Cầu bê tông	

UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN	UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Hoài Nhơn, ngày 26 tháng 4 năm 2024	*Bình Định, ngày 30 tháng 5 năm 2024*
CHỦ TỊCH	CHỦ TỊCH
Lê Đăng Tuấn	Phạm Anh Tuấn

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/10000 do Bộ TN & MT cung cấp năm 2004.
- Bản đồ HTSDĐ cấp huyện năm 2020.
- Hồ sơ địa giới hành chính 364/CT.

TỶ LỆ 1:100 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
CÔNG TY CP TNMT PHƯỚC THỊNH